

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TUẦN 30– LỚP 5B ( Từ 14/4 đến 18/4/ 2025 )**

| Thứ                 | Tiết | Môn                | Tên bài                                                        | Ghi chú |
|---------------------|------|--------------------|----------------------------------------------------------------|---------|
| <b>Hai<br/>14/4</b> | 1    | HĐTN1              | Tắm gương tình bạn                                             |         |
|                     | 2    | Toán               | Em ôn lại những gì đã học (tiết 2)                             |         |
|                     | 3    | Tiếng Việt 1       | <b>Bài đọc 1:</b> Trăng ơi... từ đâu đến?                      |         |
|                     | 4    | Tiếng Việt 2       | <b>Bài đọc 1:</b> Trăng ơi... từ đâu đến?                      |         |
|                     | 5    | 1.TD               | Gv chuyên dạy                                                  |         |
|                     | 6    | Lịch sử - Địa lí 1 | Dân số và các chủng tộc trên thế giới (Tiết 1)                 | QPAN    |
|                     | 7    | TV tăng (LV)       | Luyện viết : Bài 26: Mùa lúa chín                              |         |
| <b>Ba<br/>15/4</b>  | 5    | Tiếng Việt 3       | <b>Bài viết 1:</b> Trả bài viết kể chuyện sáng tạo             |         |
|                     | 6    | Toán               | Em vui học Toán (tiết 1)                                       |         |
|                     | 7    | Khoa học           | Chức năng của môi trường đối với sinh vật (Tiết 1)             |         |
| <b>Tư<br/>16/4</b>  | 1    | Tiếng Việt 4       | <b>Trao đổi:</b> Chinh phục bầu trời                           |         |
|                     | 2    | Toán               | Em vui học Toán (tiết 2)                                       |         |
|                     | 3    | TD                 | Gv chuyên dạy                                                  |         |
|                     | 4    | Lịch sử - Địa lí   | Dân số và các chủng tộc trên thế giới (Tiết 2)                 |         |
|                     | 5    | Tiếng Việt 5       | <b>Bài đọc 2:</b> Vinh danh nước Việt                          | ANQP    |
|                     | 6    | AN                 | Gv chuyên dạy                                                  |         |
|                     | 7    | HĐTN2              | Nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn                                   |         |
| <b>Năm<br/>17/4</b> | 5    | Toán               | Biểu đồ hình quạt tròn (tiết 1)                                |         |
|                     | 6    | Đạo đức            | Em phòng tránh xâm hại (Tiết 3)                                |         |
|                     | 7    | Khoa học           | Chức năng của môi trường đối với sinh vật (Tiết 2)             |         |
| <b>Sáu<br/>18/4</b> | 1    | Tiếng Việt 6       | <b>Luyện từ và câu:</b> Liên kết câu bằng cách thay thế từ ngữ |         |
|                     | 2    | Tiếng Việt 7       | <b>Bài viết 2:</b> Viết chương trình hoạt động (Cách viết)     |         |
|                     | 3    | Toán               | Biểu đồ hình quạt tròn (tiết 2)                                |         |

|  |   |                    |                                                                   |  |
|--|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------|--|
|  | 4 | HĐTN3              | Kết quả tham gia thử thách nuôi dưỡng, giữ gìn<br>tình bạn        |  |
|  | 5 | Tiếng<br>Việt tăng | Luyện tập liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ                       |  |
|  | 6 | <b>KNS</b>         | Gv chuyên dạy                                                     |  |
|  | 7 | Toán<br>tăng       | Luyện tập giải các bài toán về<br>Vận tốc, quãng đường, thời gian |  |

**TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH**  
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 20:08 20/04/2025  
bởi Phạm Thị Huệ (hdg\_th\_hungdao\_phamhue) – Tiểu học Hưng Đạo

Thứ hai ngày 14 tháng 4 năm 2025

Sáng:

Tiết 1: Hoạt động trải nghiệm

## SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TẤM GƯƠNG TÌNH BẠN

### I. Yêu cầu cần đạt:

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Sau bài học này, HS sẽ:

- Đề xuất được những cách làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.
- Xây dựng được Bí kíp nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn
- Thực hiện được những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn trong một số tình huống cụ thể.
- Phát huy cảm xúc tích cực, thân thiện với bạn bè.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.
- *Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí, có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

### II. Đồ dùng dạy học

\*GV: Giấy A3, bút, bút màu. Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

### III. Các hoạt động dạy học:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | HOẠT ĐỘNG CỦA HS                                                                                                                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Mở đầu</b><br>- GV cho HS xếp hàng, ổn định chỗ ngồi.<br><b>2. Hình thành kiến thức mới</b><br><b>a. Thực hiện nghi lễ chào cờ :</b><br>- Người điều hành chính: Tổng phụ trách<br>- Người phối hợp: Tập thể giáo viên nhà trường.<br>- GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi chào cờ.<br>- Phối hợp tổ chức Lễ chào cờ.<br><b>b. Sinh hoạt dưới cờ: Tấm gương tình bạn</b><br>- Đại diện nhà trường GV Tổng phụ trách Đội tổ chức cho HS kể về những tấm gương tình bạn mà mình biết. | - HS xếp hàng ngay ngắn, đồng phục chỉnh tề chuẩn bị chào cờ.<br><br>- HS chỉnh đốn hàng ngũ để chào cờ<br><br>- Chào cờ, hát Quốc ca, Đội ca. |



- GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc và bày tỏ suy nghĩ của mình về những tấm gương tình bạn được nghe

### 3. Củng cố, dặn dò

- Giáo viên tổng kết lại ý nghĩa của buổi giao lưu.  
- Động viên, khuyến khích học sinh Giữ gìn tình bạn, đoàn kết, thân ái với bạn bè.

- HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.

- HS chia sẻ.

- HS lắng nghe  
- HS thực hiện

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

.....

.....

.....

### Tiết 2: Toán

### BÀI 77: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (TIẾT 2)

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Nhận dạng được hình thang, hình tròn, một số loại hình tam giác như tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù, tam giác đều; hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ; diện tích xung quanh và diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Vẽ được đường tròn có tâm và độ dài bán kính hoặc đường kính cho trước.

- Nhận biết, chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo diện tích, thể tích, khối lượng, thời gian, vận tốc.

- Phát triển các NL toán học như: Sử dụng trò chơi học toán để giúp học sinh thực hành các kỹ năng toán học một cách thú vị và hiệu quả; học sinh giải quyết các bài toán; biết phân tích và so sánh các đơn vị đo.

##### 2. Năng lực, phẩm chất:

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

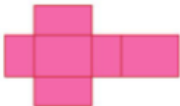
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về hình học và đo lường để tính toán, ước lượng giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

## II. Đồ dùng dạy học:

\* **Giáo viên:** Ti vi, máy tính

## III. Các hoạt động dạy học:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | HOẠT ĐỘNG CỦA HS                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>1. Hoạt động khởi động</b></p> <p>- Gv tổ chức trò chơi <b>Rung chuông vàng</b> để khởi động tiết học.</p> <p><b>*Lưu ý:</b> Trong quá trình chơi, GV có thể dừng lại để hỏi cách làm để cứu HS bị dừng lại.</p> <p><b>Câu 1:</b> Đây là hình khai triển của hình lập phương?</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">    </div> <p style="text-align: center;">A                      B                      C</p> <p><b>Câu 2:</b> Để tính diện tích của hình thang ta dùng đơn vị đo nào?</p> <p>A. cm              B. <math>\text{cm}^2</math>              C. <math>\text{cm}^3</math></p> <p><b>Câu 3:</b> <math>\text{cm}^3</math> dùng để đo:</p> <p>A. Thể tích hình hộp chữ nhật.<br/>B. Diện tích hình tam giác.<br/>C. Quãng đường từ Hà Nội đến Thái Bình.</p> <p><b>Câu 4:</b> Cho khối lập phương cạnh 6 cm, diện tích xung quanh của khối lập phương đó là:</p> <p>A. 144                                      B. 144 cm<br/>C. <math>144 \text{ cm}^3</math>                                      D. <math>144 \text{ cm}^2</math></p> <p>- GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào tiết học mới.</p> | <p>- HS cả lớp chơi bằng cách ghi đáp án đúng vào bảng con. Ai sai thì phải dừng lại</p> <p>- Đáp án A</p> <p>- Đáp án B</p> <p>- Đáp án A</p> <p>- Đáp án D</p> <p>- HS nhắc lại và ghi tên bài</p> |
| <p><b>2. Hoạt động thực hành, luyện tập (tiếp theo)</b></p> <p><b>Bài 4.</b></p> <p>- GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4.<br/>- Gv yêu cầu HS <b>xác định</b> việc cần làm.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>- HS <b>đọc</b> yêu cầu bài tập 4.<br/>- Theo em mảnh bìa nào có thể ghép lại thành hình hộp chữ nhật</p>                                                                                         |

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.
- GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn.
- GV gọi 2 học sinh lên bảng làm bài.
- GV **khuyến khích** HS nói cách làm.
- GV nhận xét, đánh giá và tổng kết bài tập

### Bài 5.

- GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 5.
- GV yêu cầu HS **xác định** việc cần làm.
- GV yêu cầu HS làm bài theo kỹ thuật khăn phủ bàn.
- GV cho HS chia sẻ bài làm trong nhóm.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp

- GV **khuyến khích** HS đặt câu hỏi thông minh, sáng tạo.
- GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động.
- GV giao nhiệm vụ

- GV cho HS nhận xét
- Bài tập này em được rèn những kỹ năng gì?

### Bài 6.

GV cho HS điều hành lớp

- GV nhận xét kết luận

- HS bài cá nhân vào vở bài tập Toán trang 5.
- HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 2.
- 2HS làm bài, cả lớp theo dõi.
- HS nói cách làm.
- Cả lớp nhận xét, đánh giá.
- HS chữa bài (nếu làm sai)

- HS **đọc** yêu cầu bài tập 5.

a) Tính  $S_{xq}$ ,  $S_{tp}$  và  $V$  của các hình sau

- HS làm bài nhóm 4 hoặc 5 trên phiếu và trình bày kết quả

+Nhóm trưởng điều khiển cả nhóm hoạt động.

VD: Yêu cầu 1 bạn nêu từng yêu cầu

→ 1 bạn trả lời câu hỏi → 1 bạn nêu cách làm → cả nhóm thống nhất.

→ Đặt những câu hỏi liên quan đến thông tin trong bài.

- 1- 2 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

- HS cả lớp xung phong đặt câu hỏi.

HS thực hiện cá nhân yêu cầu b của bài tập

- HS làm vở, 1 HS làm bảng lớp

Bài giải

Đổi:  $5\text{cm} = 0.5\text{dm}$

Thể tích hòn đá san hô là:

$$9 \times 6 \times 0,5 = 27 (\text{dm}^3)$$

Đáp số:  $27 (\text{dm}^3)$

-Tính diện tích xung quanh. Tính diện tích toàn phần và thể tích của HLP và HHCN. chỉ định bạn nhắc lại cách tính

-1 HS điều hành lớp tìm hiểu bài và thảo luận nêu kết quả:

+ Gọi 1 HS đọc bài

+ Thảo luận nhóm đôi nêu kết quả

+ Chia sẻ cách thực hiện yêu cầu.

### 3. Hoạt động vận dụng

#### Bài 7.

- GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập và nói cho bạn nghe yêu cầu.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán yêu cầu gì?
- Muốn tính thời gian đi từ Tây Ninh đến sân bay Tân Sơn Nhất em làm thế nào?

- GV hướng dẫn HS chia sẻ kết quả trước lớp

#### \*Lưu ý:

- Trong quá trình HS chia sẻ, GV **khuyến khích** HS nêu lại **các bước làm**
- GV **khuyến khích** HS đặt thêm các câu hỏi xung quanh tình huống của bài toán để HS vận dụng các kiến thức dự tính thời gian mình đến trường tránh bị muộn học
- GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động

#### 4. Củng cố, dặn dò

- Qua tiết học hôm nay, em đã ôn tập những kiến thức gì?
- Có điều gì em cần thầy/cô chia sẻ thêm không?
- Về nhà xem lại bài và tìm hiểu về bộ lắp ghép Tảngam

- HS làm việc theo đôi bạn.

- 2- 3 HS đọc và trả lời trước lớp

- Ta lấy quãng đường chia vận tốc

- HS làm bài cá nhân vào VBT Toán.

- HS cả lớp đặt những câu hỏi liên quan đến thông tin trong yêu cầu.

- HS nêu

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.

#### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

---



---



---

Tiết 3+4: Tiếng Việt 1+2

### BÀI 17: VƯỜN TỎI TRỜI CAO- CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM

#### 1. TRAO ĐỔI

##### 1.1 Trò chơi: “Thi dán bầu trời đêm trăng”

- Cách chơi và luật chơi: Chia trẻ làm 2 đội. Khi nghe hiệu lệnh của cô bạn đứng đầu chạy lên chọn một chi tiết là mây (Hoặc mưa, trăng, sao...) dán vào rồi chạy về chạm nhẹ vào tay bạn. Bạn thứ hai chạy lên chọn và dán chi tiết thứ hai. Cứ như vậy cho đến



hết, đội nào dán nhanh và đúng đội đó thắng. Mỗi lần dán chỉ được dán một tranh nếu đội nào phạm luật sẽ thua cuộc.

### 1.2 Em biết những gì về bầu trời và các hiện tượng tự nhiên?

- Tổ chức cho hs suy nghĩ chia sẻ cặp đôi.
- Gv yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi theo gợi ý:
- Nêu những thông tin em biết về Mặt Trời, Mặt Trăng hoặc một số ngôi sao?
- Nêu những thông tin em biết về một hiện tượng tự nhiên (mưa, nắng, cầu vồng,...)?
- Cho học sinh làm việc độc lập sau đó chia sẻ với bạn cùng bàn trong vòng 3 phút hết thời gian Gv mời 2-3 cặp chia sẻ trước lớp.
- HS trả lời chỉ cần chia sẻ một cách đơn giản những gì mà các em có thể nhận biết khi quan sát một hình ảnh trong SGK.

VD:

- a.Hình 1 là Mặt Trời. *Mặt Trời toả ánh nắng, soi sáng và sưởi ấm cho con người / Không có Mặt Trời sẽ không có sự sống. /...*
- b.Hình 2 là một hiện tượng tự nhiên: mưa. HS có thể nói: *Mưa cung cấp nước cho sông, suối, con người và muôn vật. / Nếu không có mưa thì đất đai khô cằn, cây cối không sống được. /...*
- c.Hình 3 là các ngôi sao trong hệ Mặt Trời. HS có thể đọc tên một số ngôi sao và nêu điều các em biết về một ngôi sao. VD: *Sao Kim ở gần Trái Đất nên chúng ta thấy sao rất to. / Sao Kim có hai tên gọi là Sao Mai (khi chúng ta nhìn thấy sao vào lúc bình minh) và Sao Hôm (khi chúng ta nhìn thấy sao vào lúc hoàng hôn). /...*

### 2.Giáo viên giới thiệu chủ đề mới và bài học

Qua các môn học Tự nhiên và xã hội, Khoa học và qua trải nghiệm thực tế, các em đã biết khá nhiều về bầu trời và các hiện tượng tự nhiên. Từ hôm nay, môn Tiếng Việt cũng sẽ dẫn các em đến với bầu trời qua những bài thơ, câu chuyện nói lên khát vọng khám phá, chinh phục bầu trời của con người. Chúng ta sẽ học chủ điểm *Vươn tới trời cao*. Trước hết, chúng ta sẽ đọc bài thơ *Trăng ơi... từ đâu đến?* – một bài thơ rất thú vị của nhà thơ Trần Đăng Khoa.

## BÀI ĐỌC 1: TRĂNG ƠI...TỪ Đâu ĐẾN?

### I. Yêu cầu cần đạt:

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc độ đọc khoảng 100 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì II. HTL bài thơ.
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài. Trả lời được các CH về nội dung các khổ thơ. Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Bạn nhỏ trong bài thơ muốn biết nhiều điều về vàng trăng, rất yêu trăng, yêu thiên nhiên, đất nước.



-Đọc thuộc lòng bài thơ, thể hiện được giọng đọc vui tươi, tha thiết; nhấn giọng gây ấn tượng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm phù hợp với nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

-Bước đầu cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật qua ngôn ngữ nhân vật và các hình ảnh thơ.

-Bày tỏ được sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp trong bài.

## **2. Năng lực, phẩm chất**

-NL tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: hình thành và phát triển năng lực văn học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc về tình yêu thiên nhiên.; Tham gia hoạt động nhóm.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thiên nhiên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc bài, trả lời câu hỏi

## **II. Đồ dùng dạy học:**

\*GV: máy tính, tivi.

## **III. Các hoạt động dạy học:**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH**

#### **1.Hoạt động khởi động:**

- Đây là tiết học đầu tiên trong chủ đề mới, hoạt động khởi động được thực hiện trong phần chia sẻ về chủ điểm. Giáo viên có thể giới thiệu thêm bài *Trăng ơi... từ đâu đến?* được nhà thơ nổi tiếng Trần Đăng Khoa sáng tác khi ông còn là một cậu bé 10 tuổi, cùng độ tuổi với các em bây giờ.

#### **2. Hình thành kiến thức**

##### **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**

– GV đọc mẫu (Đọc bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tha thiết.), kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương, ví dụ: trăng ơi; lũng lợ,..

-Lắng nghe.

- GV Tổ chức cho HS đọc cá nhân và đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp. ( Giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết và rõ ràng).

- GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm.

+ GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 4 em đọc tiếp nối đến hết bài.

+ GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy, giọng đọc thể hiện sự nhẹ nhàng tha thiết, vui tươi

- GV mời đại diện 1-2 hs toàn bài.

## **-Hoạt động 2: Đọc hiểu**

### **- Cách tiến hành**

-GV Yêu cầu 5 HS tiếp nối nhau đọc 3 câu hỏi:

+ HS1 (Câu 1): *Câu hỏi được lặp lại ở mỗi khổ thơ nói lên điều gì?*

+ HS2 (Câu 2): *Nêu cảm nghĩ của em về một hình ảnh so sánh đẹp trong ba khổ thơ đầu.*

+ HS3 (Câu 3): *Ở ba khổ thơ cuối, vàng trắng gợi cho tác giả liên tưởng đến những gì, những ai?*

+ HS4 (Câu 4): *Bài thơ thể hiện tình cảm của tác giả với thiên nhiên và quê hương, đất nước như thế nào?*

+ HS5 (Câu 5): *Vàng trắng gợi cho em nhớ đến kỉ niệm nào? Hãy kể lại kỉ niệm đó.*

-Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi *Phỏng vấn*.

- GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:

+ Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia.

-Thực hiện yêu cầu.

-Đọc .

-Đọc yêu cầu câu hỏi

Thảo luận theo nhóm.

+ Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời, sau đó đổi vai.

- Trả lời

Câu 1: Câu hỏi “Trăng ơi... từ đâu đến?” lặp đi lặp lại ở mỗi khổ thơ nói lên mong muốn tha thiết tìm hiểu những điều bí ẩn về Mặt Trăng.

Câu 2: Trăng tròn như mắt cá... , vì so sánh rất ngộ nghĩnh – trăng tròn và không hề “chóp mí”, giống như mắt cá.

Câu 3: Vàng trăng gọi cho tác giả liên tưởng đến lời mẹ ru về chú Cuội; liên tưởng đến các chú bộ đội hành quân trên đường có trăng soi; liên tưởng đến góc sân nhà mình nhuộm vàng ánh trăng và mọi miền đất nước được trăng soi sáng.

Câu 4: Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên (vàng trăng sáng, rừng núi và cây trái, biển và những chú cá không bao giờ chợp mắt,...), tình yêu đối với mẹ, với gia đình và các chú bộ đội.

Câu 5: Em nhớ đêm Trung thu, vàng trăng tròn cùng chúng em rước đèn rất vui.

Trả lời: Bài thơ không những cho chúng ta cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo, gần gũi của trăng mà còn cho thấy tình yêu quê hương đất nước tha thiết của tác giả.

-Nhận xét.

-Lắng nghe

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung điều gì?*

- GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.

### 3. Hoạt động luyện tập

#### Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc

##### - Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS đọc giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, vui tươi. Ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn giọng ở từ ngữ giàu sức gợi tả; thể hiện giọng đọc phù hợp.

- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm 2 khổ thơ đầu.

- GV nhận xét HS.

-Lắng nghe

*Trăng ơi... / từ đâu đến? //*  
*Hay/ từ cánh rừng xa //*  
*Trăng **hồng** / như quả chín //*  
***Lửng lơ** / lên trước nhà. //*  
*Trăng ơi... / từ đâu đến? //*  
*Hay / biển xanh diệu kì //*  
*Trăng **tròn** như mắt cá //*  
***Chẳng bao giờ** / chớp mí.*

-Lắng nghe.

### 4. Hoạt động vận dụng

- GV tổ chức cho các em đọc lại khổ thơ theo cách xoá dần chữ; sau đó thi đọc thuộc lòng bài thơ.

- GV tổ chức cho HS tự nhận xét về tiết học; nói về những điều thu nhận được sau bài học, những điều mong muốn biết thêm.

-Nhắc HS về nhà tự đọc sách báo theo yêu cầu đã nêu trong SGK. HS có thể tìm các truyện đọc phù hợp với chủ điểm trong sách *Truyện đọc lớp 5* (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Nhắc HS về nhà chọn BT trong tiết Luyện nói và nghe: *Chinh phục bầu trời* (trang 88, SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai). Tìm tài liệu, tranh ảnh (đọc lại một số bài ở SGK *Tiếng Việt 4*, tập hai)

-Tham gia.

- Lắng nghe

để chuẩn bị thảo luận, thuyết trình trong tiết học đó.

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

Buổi Chiều

Tiết 5: Thế dục

**Gv chuyên dạy**

Tiết 6: Lịch sử - Địa lí

## BÀI 21: DÂN SỐ VÀ CÁC CHỦNG TỘC CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI (TIẾT 1)

### I. Yêu cầu cần đạt:

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Sử dụng, khai thác bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.

– Biết ứng xử phù hợp, thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

#### 2. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.  
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.  
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Phẩm chất nhân ái: yêu quý mọi người và tôn trọng sự khác biệt chủng tộc

- Phẩm chất chăm chỉ: thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết.

- Phẩm chất trách nhiệm: có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học.

**\* QPAN: Học sinh kể những hoạt động, việc làm thể hiện tinh thần yêu chuộng hoà bình của nhân dân Việt Nam.**

### II. Đồ dùng dạy học:

\* GV: Máy tính, tivi, phiếu học tập.

### III. Các hoạt động dạy học:

#### Hoạt động của giáo viên

##### 1. Khởi động

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho

- Bước 2: GV trình chiếu nd liên quan- gọi hs nói

- Bước 3: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới.

##### 2. Khám phá : Dân số thế giới

\* Hoạt động 1: So sánh dân số giữa các châu lục trên thế giới

- Bước 1: Gv trình chiếu và hướng dẫn HS đọc mục 1, quan sát hình 1, bảng 1 trang 100 SGK và thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi:

+ **Nhiệm vụ 1:** Tính số năm để dân số tăng thêm 1 tỉ người và rút ra nhận xét

+ **Nhiệm vụ 2:** So sánh số dân giữa các châu lục trên thế giới.

Bước 1 : Hs xem trình chiếu và thảo luận theo nhóm

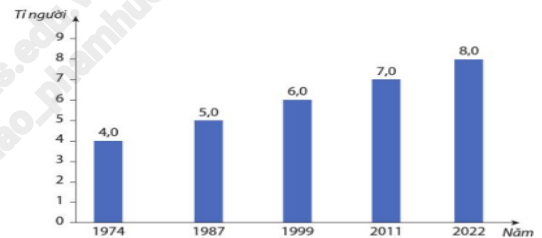
#### Hoạt động của học sinh

HS: Mở sách : Quan sát hình ảnh và đọc thông tin, em hãy chia sẻ những hiểu biết của em về dân số thế giới.

B2 : một số HS trả lời các câu hỏi.

**Ngày dân số thế giới 11/7:** Ngày 11-7-1987, dân số thế giới đạt 5 tỉ người. Năm 1989, Liên hợp quốc đã quyết định lấy ngày 11-7 hằng năm là ngày Dân số thế giới nhằm nâng cao nhận thức của con người về vấn đề dân số toàn cầu.

Đọc thông tin, QS hình 1 và bảng 1.



Hình 1. Biểu đồ số dân thế giới giai đoạn 1974 – 2022

(Nguồn: Liên hợp quốc)

##### Làm nhiệm vụ 1 theo từng đôi:

Số năm để dân số thế giới tăng thêm 1 tỉ người ngày càng rút ngắn: 13 năm, 12 năm, 12 năm và 11 năm. Nhận xét. Dân số thế giới ngày càng đông. Năm 1804, dân số thế giới đạt 1 tỉ người, Tháng 11-2022, dân số thế giới đạt 8 tỉ người. Thời gian để dân số thế giới tăng thêm 1 tỉ người ngày càng rút ngắn.

- Bước 2: Đại diện HS trả lời câu hỏi. HS còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý:

Tìm hiểu khám phá tri thức LSDL liên quan đến bài học: Tại sao châu Á có số dân lớn nhất thế giới

### 3. Luyện tập

- Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc phần luyện tập trang 101 SGK và hoàn thành nhiệm vụ sau theo cặp đôi:

+ Tính tỉ lệ % dân số của châu Á và châu Đại Dương. Rút ra nhận xét.

- Bước 2: Đại diện các cặp lên trình bày kết quả của nhóm.

- Bước 3: GV nhận xét, tổng kết.

**Làm nhiệm vụ 2 theo nhóm:** So sánh số dân giữa các châu lục trên thế giới.

**Bảng 1. Số dân thế giới phân theo châu lục năm 2021**

| STT             | Châu lục       | Số dân (triệu người) |
|-----------------|----------------|----------------------|
| 1               | Châu Á         | 4 695                |
| 2               | Châu Phi       | 1 394                |
| 3               | Châu Mỹ        | 1 031                |
| 4               | Châu Âu        | 745                  |
| 5               | Châu Đại Dương | 44                   |
| <b>Thế giới</b> |                | <b>7 909</b>         |

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022)

**Đại diện HS trả lời câu hỏi. HS còn lại nhận xét, bổ sung**

Dân số phân bố không đồng đều theo châu lục. Năm 2021, châu Á có số dân đông nhất và châu Đại Dương có số dân ít nhất;

Hai quốc gia đông dân nhất thế giới là Trung Quốc và Ấn Độ.

Châu Á có dân số nhiều nhất, chiếm hơn 1/2 dân số thế giới, tiếp đến là châu Phi, châu Mỹ, châu Âu. Châu Đại Dương có dân số ít nhất.

(Châu Á có diện tích lớn nhất, có đủ các kiểu khí hậu từ ôn đới, nhiệt đới và hàn đới, châu Á có nhiều sông ngòi phù hợp cho nông nghiệp)

Tỉ lệ % dân số của các châu lục trên thế giới: châu Á chiếm 59,4% dân số thế giới, châu Đại Dương chiếm 0,6% dân số thế giới. Châu Á là châu lục đông dân nhất, châu Đại Dương là châu lục ít dân nhất trên thế giới.

-HS trả lời



**\*ANQP:**

- Em hãy kể những hoạt động, việc làm thể hiện tinh thần yêu chuộng hoà bình của nhân dân Việt Nam?
- Em đã có những hành động gì thể hiện tinh thần yêu chuộng hoà bình?
- Vì sao nhân dân Việt Nam luôn yêu chuộng hoà bình?

**4. Củng cố, dặn dò :**

-GV hướng dẫn HS về nhà làm nhiệm vụ trang 101 SGK.

Chia sẻ ý tưởng (vẽ tranh hoặc viết một đoạn văn ngắn) thể hiện sự tôn trọng những người không cùng chủng tộc với mình

-HS trả lời

HS ghi câu hỏi về nhà chuẩn bị

Kể tên và mô tả những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới, Đọc phần Em có biết sgk

Làm bài viết

Tôn trọng là gì ?

Tại sao phải tôn trọng sự khác biệt của các chủng tộc ?

Mỗi chủng tộc, dân tộc hay con người sinh ra trên trái đất đều có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Tuy giữa họ có nhiều khác biệt nhưng mọi người đều chung tay đóng góp xây dựng trái đất thêm đa dạng tươi đẹp. Chúng ta cần tôn trọng sự khác biệt của các chủng tộc loài người nói riêng và cũng cần bảo vệ sự sống trên trái đất nói chung để cho thế giới hoà bình hạnh phúc.

**Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )****Tiết 7: Tiếng việt tăng****LUYỆN VIẾT BÀI 26: MÙA LÚA CHÍN****I.Yêu cầu cần đạt:**

- Giúp HS hiểu được nội dung bài : Mùa lúa chín.
- Giúp HS viết đúng bài luyện viết.
- Rèn luyện cho HS kỹ năng viết đẹp, trình bày sạch sẽ bài luyện viết.
- Giáo dục HS biết giữ gìn sách vở sạch đẹp

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng phụ viết sẵn các mẫu chữ khi viết

**III. Các hoạt động dạy học:**

Hoạt động của giáo viên

**1. Khởi động:****2. Hình thành kiến thức mới**

Hoạt động của học sinh

- |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a. Giới thiệu bài<br>- GV giới thiệu trực tiếp<br>b. Hướng dẫn hs luyện viết<br>- yc hs đọc nội dung bài:<br>- Em hiểu bài này về nội dung gì?<br>- GV chốt:<br>- Bài được trình bày như thế nào?<br>- GV hướng dẫn viết một số chữ, từ khó viết<br>- Gv hướng cho hs viết bài theo kiểu chữ nghiêng.<br>- GV đi lại giúp đỡ hs yếu.<br>- Gv thu bài chấm, nhận xét<br><b>3. Hoạt động vận dụng</b><br>- GV nhận xét<br>- Yc hs viết lại những chữ, từ viết chưa đẹp | - HS nghe<br><br>- 1 HS đọc<br>- HS nêu nội dung bài.<br><br>- HS : thể văn xuôi<br>- HS viết và vở<br><br><br><br>- HS ghi nhớ |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 15 tháng 4 năm 2025

Chiều:

Tiết 5: Tiếng việt 3

### BÀI VIẾT 1: TRẢ BÀI VIẾT KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nghe hiểu, đọc hiểu lời nhận xét của cô giáo (thầy giáo) về bài viết của mình và các bạn.
- Biết phát hiện và sửa lỗi về cấu tạo, nội dung bài viết, cách dùng từ, đặt câu, chính tả để hoàn thiện bài viết.
- Bước đầu biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ biểu đạt tình cảm, cảm xúc khi viết về nhân vật.

##### 2. Năng lực, phẩm chất :

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Hs tham gia phát hiện lỗi, sửa bài, viết lại đoạn văn trong bài.
- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Hs biết trân trọng thành quả và sự tiến bộ của mình.

#### II. Đồ dùng dạy học:

\*GV: máy tính, tivi; bài trả cho hs

#### III. Các hoạt động dạy học:

## HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN

### 1. Hoạt động khởi động:

- GV có thể cho hs khởi động bằng bài hát hoặc chơi trò chơi.
- GV giới thiệu bài: Ở tuần trước các em đã thực hành viết kể chuyện sáng tạo và hôm nay, các em sẽ nghe cô giáo nhận xét chung về bài viết của mình, các em nhận lại bài viết để đọc và sửa lỗi sai trong bài viết của mình.

### 2. Hoạt động luyện tập

#### *Hoạt động 1: Nghe nhận xét chung về bài viết*

- GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp:
  - + Ưu điểm, nhược điểm chung của cả lớp:
- Những lỗi điển hình về cấu tạo:
  - + Những lỗi điển hình về nội dung. VD: Đoạn văn thể hiện cách hiểu không đúng về nhân vật; không nêu được tình cảm, cảm xúc về nhân vật mà chỉ nêu các chi tiết.
  - + Những lỗi điển hình về cách dùng từ, đặt câu, chính tả.
- GV trả bài, yêu cầu HS hãy đọc thâm lời nhận xét của cô và xem lại những chỗ cô đánh dấu có lỗi.
- GV tuyên dương những HS có bài viết hay, có tiến bộ nổi bật về kỹ năng viết.
- GV cho 2-3 HS có bài viết hay đọc bài viết của mình sau đó mời lớp chia sẻ về điểm hay trong bài của bạn.

#### *Hoạt động 2: Sửa bài cùng cả lớp*

- GV tổ chức cho HS sửa một số lỗi điển hình (về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả) của lớp.

**GV cho HS tự nêu lỗi trong bài của mình hoặc GV đưa ra lỗi.**

#### *Hoạt động 3: Tự sửa bài và viết lại đoạn văn*

- GV hướng dẫn HS tự sửa bài viết của mình:
  - + Đọc kỹ nhận xét của GV về bài viết của mình.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH

- Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.

- Lắng nghe.
- HS nhận bài, thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

- HS lắng nghe

- 2-3 HS đọc bài viết của mình, cả lớp lắng nghe, phát hiện điểm hay trong bài của bạn.

- HS nêu lỗi trong bài của mình (chỗ GV đánh dấu) để cùng cả lớp sửa sai.

- HS lắng nghe.

+ Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả trong bài.

- GV yêu cầu HS viết lại câu hoặc đoạn văn.

**Hoạt động 4: Đổi bài cho bạn để kiểm tra việc sửa lỗi**

- GV yêu cầu hai bạn cùng bàn đổi vở để kiểm tra việc sửa lỗi.

- GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả sửa bài.

- Mời HS nhận xét.

- GV nhận xét, bổ sung để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết (nếu cần).

**3. Hoạt động vận dụng:**

- Hãy vận dụng và viết về một câu chuyện em đã đọc.

**\* Củng cố, dặn dò**

- GV khen ngợi, động viên HS về nhà luyện tập viết thêm;

- Nhắc HS chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

- HS sửa bài hoặc viết lại đoạn văn.

- HS thực hiện.

- 1- 2 HS báo cáo.

- Hs khác nêu ý kiến.

**Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

Tiết 6: Toán

**BÀI 78: EM VUI HỌC TOÁN ( tiết 1 )**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng nhận dạng các hình đã học như: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.

- Thực hành lắp ghép hình gắn với các hoạt động ghép hình bằng bộ xếp hình Tangram.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- Thông qua các hoạt động thiết kế bộ lắp ghép hình Tangram, lắp ghép hình sáng tạo, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm. HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua hoạt động nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL hợp tác.

- Học sinh phát triển phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, và trách nhiệm thông qua việc hỗ trợ bạn bè, kiên trì ôn luyện, trung thực trong học tập và đánh giá, cũng như hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách nghiêm túc và đúng thời gian.

## II. Đồ dùng dạy học:

\* **Giáo viên:** Ti vi, máy tính

## III. Các hoạt động dạy học:

### HOẠT ĐỘNG CỦA GV

#### 1. Hoạt động khởi động

- Gv tổ chức cho HS vận động ổn định bắt đầu giờ học
- GV HD 2 học sinh chuẩn bị kịch bản trước buổi học

- GV chiếu hình ảnh bộ xếp hình Tangram

### HOẠT ĐỘNG CỦA HS

- 1 HS điều khiển lớp vận động theo bài nhạc.

-HS theo dõi:

2HS điều hành chương trình:

Xin chào các bạn học sinh lớp 5... thân mến! Đến hẹn lại lên. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về một trò chơi rất thú vị và bổ ích mang tên Tangram. Các bạn đã từng nghe về Tangram chưa?

-HS cả lớp trả lời

-Các bạn quan sát hình ảnh sau trong thời gian 10 giây, ghi nhớ, bạn nào nêu được đầy đủ các hình có trong hình ảnh mà bạn được quan sát, bạn sẽ là người đầu tiên chiến thắng trong chương trình hôm nay

-HS tự nx hoạt động này

-HS dẫn chương trình(MC) giới thiệu bộ xếp hình Tangram. Hỏi HS khác hiểu biết về bộ xếp hình

-MC: *Tangram là một trò chơi xếp hình cổ điển xuất phát từ Trung Quốc. Nó được tạo thành từ 7 mảnh ghép gọi là "tans", bao gồm 5 tam giác, 1 hình vuông và 1 hình bình hành. Các bạn có thể sử dụng các mảnh ghép này để tạo ra vô vàn hình dạng khác nhau. từ những mảnh ghép đơn giản này, chúng ta có thể xếp thành các hình thú vị như động vật, con người, đồ vật, và thậm chí là cả các công trình kiến trúc nữa! Các bạn có thấy những mảnh ghép này thú vị không nào? Vậy ngay bây giờ chúng ta sẽ cùng tham gia các hoạt động với bộ xếp hình Tangram nhé!*

#### 2. Hoạt động thực hành, luyện tập .

\***Bài 1**

- GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 1 trên phiếu học tập.

- GV yêu cầu HS **xác định** việc cần làm.
- Để tạo bộ xếp hình Tangram chúng ta cần những dụng cụ gì?
- Chúng ta cần tạo những hình gì?

- GV giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm 4 (2 phút) nêu cách tạo các mảnh ghép thành phần của bộ xếp hình Tangram

GV khuyến khích học sinh nêu nhiều cách làm và sử dụng nhiều chất liệu và nêu tác dụng hay ưu điểm khi sử dụng chất liệu đó.

- Em có nhận xét gì về các mảnh ghép trong bộ xếp hình Tangram?
- YC HS thực hành (10 phút)

- GV nhận xét hoặc cho HS nhận xét
- GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động

### 3. Vận dụng, trải nghiệm

- GV cho HS quan sát những bức tranh được tạo từ nhiều bộ xếp Tangram

### 4. Củng cố, dặn dò

- Qua tiết học hôm nay, em đã ôn tập những kiến thức gì?

- MC: Ngay bây giờ chúng ta sẽ tham gia hoạt động đầu tiên. Hoạt động 1: Tạo bộ xếp hình Tangram

- Tạo bộ xếp hình Tangram

- **HS:** Giấy màu, kéo

- HS TL: Chúng ta cần tạo ra 2 hình tam giác lớn, 1 hình tam giác nhỏ, hai hình tam giác nhỏ hơn, 1 hình vuông và 1 hình bình hành.

- HS thảo luận n4 nêu kết quả:

+ Chúng tôi thấy 2 hình tam giác lớn chính là một phần 2 hình vuông vậy chúng tôi sẽ gấp chéo hình vuông lấy một nửa chéo sau đó gấp tiếp hình tam giác tạo thành hai hình tam giác bằng nhau. Nửa còn lại của hình vuông là một hình tam giác lớn chúng tôi lấy đỉnh đặt bằng cạnh đối diện tạo thành hình thang và hình tam giác như vậy chúng tôi có hình tam giác thứ ba; Hình thang tiếp tục chia đôi một nửa tạo thành hình vuông và hình tam giác, nửa còn lại tạo thành hình tam giác và hình bình hành.

- HS có thể nêu nhiều cách thực hiện, tạo bằng giấy bìa sau đó tô màu, đánh số để nhận biết

- Các mảnh ghép đều nằm trong một hình vuông lớn.

- HS tạo hình trong nhóm, HS khác có thể hỗ trợ bạn

- HS lắng nghe

- MC: chúng ta vừa tham gia hoạt động vô vùng thú vị và tạo ra bộ xếp hình thật đẹp. Bây giờ chúng ta sẽ cùng tham gia trò chơi cùng bộ xếp hình...qua hoạt động tiếp theo

- Nhận biết cách tạo và sử dụng bộ Tangram.



- Có điều gì em cần thầy/cô chia sẻ thêm | - HS nêu ý kiến theo cá nhân không?

### **Điều chỉnh sau bài học (nếu có)**

#### Tiết 7: Khoa học 1

### **Bài 19: CHỨC NĂNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SINH VẬT( tiết 1)**

#### **I. Yêu cầu cần đạt:**

##### **1. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được các chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật:
- + Cung cấp chỗ ở, thức ăn và những nhu cầu sống thiết yếu khác.
- + Nơi chứa đựng các chất thải do con người và sinh vật tạo ra trong quá trình sống.
- + Bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài.
- Thực hành tìm hiểu về chức năng của môi trường đối với các sinh vật.

##### **2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành sơ đồ chức năng của môi trường đối với sinh vật
- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, nêu được chức năng của môi trường đối với một sinh vật bất kỳ.
- Năng lực tự học: HS nêu được chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật và con người.

##### **3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chăm chỉ suy nghĩ trả lời các câu hỏi, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường xung quanh; bảo vệ các sinh vật có lợi.
- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.
- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng hoàn thành nhiệm vụ học tập.

#### **II. Đồ dùng dạy học:**

##### **1. Giáo viên**

- TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PP, phần màu, tranh ảnh, video, clip về chức năng của môi trường đối với sinh vật

##### **2. HS:**

- Bút dạ, bảng nhóm

#### **III. Các hoạt động dạy học :**

##### **1. Hoạt động mở đầu**



GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “**Tôi cần, tôi cần**”: GV làm quân trò nói tôi cần, tôi cần và nêu câu hỏi gợi ý để HS trả lời.

- GV nêu các câu hỏi:

- + Thứ gì để thở?
- + Thứ gì chống lại cơn khát?
- + Thứ gì chống lại cơn đói?
- + Để nhìn thấy xung quanh?
- + .....

-GV nhận xét, tuyên dương các HS có câu trả lời đúng.

-H: Em hãy kể một số môi trường sống của sinh vật.

- GV dẫn dắt vào bài: *Để sống và phát triển được, không chỉ con người mà tất cả các loài sinh vật trên Trái Đất đều phải lấy yếu tố từ môi trường xung quanh. Vậy, môi trường là gì? Nó gồm những yếu tố nào? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu điều đó ở bài hôm nay* **Bài 19: Chức năng của môi trường đối với sinh vật (Tiết 1)**

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức:

### \* Chức năng của môi trường đối với sinh vật

-Tổ chức cho Hs làm việc theo nhóm đôi

- GV yêu cầu HS đọc nội dung mục Con ong, trang 90 SGK

- HS quan sát các hình 1 và 2, trang 90, 91 SGK và thực hiện các yêu cầu sau:

- + Kể tên các điều kiện sống mà môi trường cung cấp cho sinh vật trong các hình 1 và 2.
- + Môi trường nhận lại từ các sinh vật đó những gì?

HS lắng nghe GV hướng dẫn.

- HS tham gia chơi cá nhân, lắng nghe

câu hỏi của GV và trả lời

Không khí.

+ Nước.

+ Thức ăn.

+ Ánh sáng.

+....

-HS lắng nghe, ghi nhớ.

-Hs nối tiếp nhau kể: môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí, môi trường cạn, ...

- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.

-Hs làm việc theo nhóm đôi

-Hs đọc SGK tr.90, quan sát hình 1,2 và TLCH.

Kể tên các điều kiện sống mà môi trường cung cấp cho sinh vật trong các hình 1 và 2. Môi trường nhận lại từ các sinh vật đó những gì?



+ Nêu các chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật. Lấy ví dụ minh họa cho mỗi chức năng đó.



-Cho Hs các nhóm chia sẻ trước lớp.

-GV chiếu cho HS các slide/video về chức năng của môi trường đối với sinh vật để HS lấy thêm ví dụ. Gợi ý: GV có thể sưu tầm ảnh về sinh vật ăn cỏ, uống nước, sống trên cây, trong hốc đá, thải chất thải ra môi trường để trình chiếu cho HS.

-Gv nhận xét, đánh giá

### 3. Hoạt động thực hành, luyện tập

- GV yêu cầu HS quan sát hình 3, trang 91 SGK, làm việc theo nhóm đôi: chọn một sinh vật và trình bày các chức năng của môi trường đối với sinh vật đó.



-Mời một số nhóm chia sẻ

-Đại diện các cặp trình bày trước lớp những nội dung đã thực hiện. Các cặp khác nhận xét và bổ sung (nếu cần).

+ Môi trường cung cấp thức ăn, chỗ ở, không khí, nước.....

+Môi trường nhận lại các chất thải do sinh vật tạo ra

+Hs lấy VD chức năng cơ bản của môi trường

\* MT rừng cung cấp chỗ ở, không gian sống cho voi, nai, sóc, ...

\*MT đất để con người xây dựng nhà cửa, trồng trọt, chăn nuôi, ...

-Hs xem video/slide, lấy thêm ví dụ khác

- HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. GV đánh giá HS.

-Hs làm việc theo nhóm đôi; quan sát H3 chọn một sinh vật và trình bày các chức năng của môi trường đối với sinh vật đó.

+Ví dụ: rừng là môi trường sống của gấu và các động vật khác,...

+ Nước là môi trường sống của cá, tôm cua, ...

-Đại diện nhóm chia sẻ, lớp nghe và nhận xét, bổ sung

- Gv nhận xét chung.

#### 4. Hoạt động vận dụng

- GV cho HS chia sẻ trước lớp:

+Nêu chức năng cơ bản của môi trường với sinh vật, cho ví dụ.

- GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- GV dẫn HS xem và chuẩn bị trước bài sau: Thực hành tìm hiểu các chức năng của môi trường đời với con người theo SĐTD

-HS chia sẻ trước lớp:

+ HS chia sẻ.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 16 tháng 4 năm 2025

Buổi sáng:

Tiết 1: Tiếng việt 4

### NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI: CHINH PHỤC BẦU TRỜI

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng

-Nói mạch lạc, truyền cảm, thuyết phục về chủ đề *Chinh phục bầu trời*.

-Nghe, ghi được vắn tắt bài thuyết trình và ý kiến thảo luận của các bạn.

-Có ý kiến phản hồi phù hợp về bài thuyết trình và ý kiến thảo luận của các bạn.

-Biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản ứng của người nghe.

##### 2.Năng lực, phẩm chất

-Phát triển NL tự chủ và tự học: Chủ động tìm kiếm thêm các thông tin về các hiện tượng trên Trái Đất, Mặt Trăng, Mặt Trời,...

-Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự tin; có thái độ đúng khi trao đổi.

- Phát triển PC trách nhiệm: Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, ham muốn tìm hiểu thiên nhiên.

#### II. Đồ dùng dạy học:

\*GV: máy tính, tivi.

#### III. Các hoạt động dạy học:

#### HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN

#### HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH

##### 1. Khởi động;

– GV có thể cho HS hát và múa theo bài hát “Hành Tinh” để khởi động.

Gv hỏi: Vừa rồi bài hát đã đề cập tới những hành tinh nào?

-Hành tinh chúng ta mang tên gì?

– GV giới thiệu bài: Vừa rồi thì cô thấy các con đã liệt kê rất nhiều hành tinh. Trong tiết *Nói và nghe* hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về cách mà con người chúng ta đã chinh phục các hành tinh đó như thế nào?. Sau đó, các em sẽ trao đổi với bạn cách hiểu của mình về Con người chinh phục bầu trời bằng những cách nào? Và Con người chinh phục bầu trời để làm gì?

## 2. Hoạt động luyện tập

### Cách tiến hành:

- GV mời HS đọc yêu cầu BT 1 và đọc BT2.

- Cả lớp đọc thầm theo.

- GV chia lớp thành 4 nhóm mỗi nhóm 6 thành viên đại diện các nhóm lên chọn đề tài cho nhóm mình.

-Gv hướng dẫn cụ thể công việc cần làm cho các nhóm.

-Mời đại diện các nhóm trưng bày sản phẩm nhóm mình lên trước lớp và trình bày.

- Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.

-Đọc yêu cầu.

-HS các nhóm thảo luận nội dung thuyết trình.

-Phân công chuẩn bị thuyết trình

-Viết bài thuyết trình và trình bày vẽ (dán) hình minh họa lên giấy khổ to.

-Trình bày

❖ *Con người chinh phục bầu trời bằng những cách nào?*

-HS dựa vào hình ảnh trong bài, nói về một số cách chinh phục bầu trời:

+ Hình 1: Dùng kính viễn vọng để khám phá bầu trời. Ở lớp 4, em đã học câu chuyện về nhà bác học Ga-li-lê. Ông đã chế tạo ra kính viễn vọng. Nhờ quan sát bầu trời bằng kính viễn vọng, ông hiểu: Trái Đất không phải là trung tâm của vũ trụ, đứng yên trong vũ trụ mà nó quay xung quanh Mặt Trời.

+ Hình 2: Dùng tàu vũ trụ để đưa con người bay lên vũ trụ. Trong ảnh là người đầu tiên trên thế giới bay lên vũ

-Các nhóm còn lại ghi chép những điều thắc mắc

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận trước lớp

-GV mời các HS khác đặt câu hỏi, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện; kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của HS trong khi nghe.

-Nhận xét, tổng kết.

### 3. Hoạt động vận dụng:

-Tổ chức trò chơi Khám phá Hành Tinh

Luật chơi : chia lớp thành 2 đội trên màn hình có hình các hành tinh khác nhau sau mỗi hành

trụ (ngày 12/4/1961) – công dân Liên Xô Ga-ga-rin (Em đã học ở lớp 4).

+ Hình 3: Dừng tàu vũ trụ để đưa con người bay lên Mặt Trăng. Trong ảnh là người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng (ngày 20/7/1969) – công dân Mỹ Am-xtrông (Em đã biết hình ảnh này ở lớp 4).

+ Hình 4: Dừng máy bay để bay lên bầu trời, làm phương tiện giao thông, phun thuốc hỗ trợ trồng trọt, phun nước chống cháy rừng,... (Em đã biết hình ảnh này ở lớp 4).

❖ *Con người chinh phục bầu trời để làm gì?*

-HS dựa vào hình ảnh trong bài, nói về một số mục đích chinh phục bầu trời:

+ Hình 1: dùng máy bay hoặc tên lửa làm mưa nhân tạo.

+ Hình 2: dự báo thời tiết để tận dụng thời tiết tốt, khắc phục hạn chế của thời tiết, phòng tránh thiên tai,...

+ Hình 3: khám phá bầu trời để biết về vũ trụ, về các vì sao, về các hiện tượng thiên nhiên có lợi và có hại,...

-Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vấn đề về ý kiến của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến.

-Thảo luận:

+ Hỏi thêm những điều chưa rõ.

+ Việc chinh phục bầu trời thể hiện tài năng và ý chí của con người như thế nào

+ Việc chinh phục bầu trời có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống con người?

-Lắng nghe.

-Tham gia trò chơi.

trình là một câu hỏi về thể giới các hành trình lần lượt mỗi đội sẽ cử đại diện 1 thành viên chọn hành trình để khám phá. Nếu trả lời đúng đội đó sẽ mang về cho đội 1 bông hoa, nếu hết thời gian quy định đội vẫn chưa đưa ra câu trả lời chính xác thì cơ hội sẽ thuộc về đội kia. Kết thúc trò chơi đội mang về số bông hoa nhiều hơn sẽ là đội chiến thắng

- GV dẫn HS về nhà tìm hiểu thêm về những người đã khám phá bay lên vũ trụ, đặt chân đến mặt trăng...,

Chuẩn bị bài học tiếp theo.

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

.....

.....

.....

Tiết 2: Toán

### BÀI 78: EM VUI HỌC TOÁN ( tiết 2 )

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Cùng cố kĩ năng nhận dạng các hình đã học như: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
- Thực hành lắp ghép hình gắn với các hoạt động ghép hình bằng bộ xếp hình Tangram.

##### 2. Năng lực, phẩm chất:

- Thông qua các hoạt động thiết kế bộ lắp ghép hình Tangram, lắp ghép hình sáng tạo, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.
- Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm. HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua hoạt động nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL hợp tác.
- Học sinh phát triển phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, và trách nhiệm thông qua việc hỗ trợ bạn bè, kiên trì ôn luyện, trung thực trong học tập và đánh giá, cũng như hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách nghiêm túc và đúng thời gian.

#### II. Đồ dùng dạy học.

\* **Giáo viên:** Tì vi, máy tính

#### III. Các hoạt động dạy học:

##### HOẠT ĐỘNG CỦA GV

##### HOẠT ĐỘNG CỦA HS

##### 1. Hoạt động khởi động

- |                                                                                                        |                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv tổ chức cho HS vận động ổn định bắt đầu giờ học</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS vận động</li> </ul> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|



- GV nhận xét.

## 2. Hoạt động thực hành, luyện tập .

### \*Bài 2

- GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2a.

- HS **đọc** yêu cầu bài tập 2a:

Lấy 3 mảnh ghép trong bộ Tangram để xếp thành hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành

HS thực hành và trình bày kết quả

Tiến hành tương tự với yêu cầu b

b) Dùng 4 mảnh ghép, 5 mảnh ghép trong bộ xếp Tangram để tạo thành hình tgiac, HV, HCN

- HS nêu suy nghĩ và nhận xét của mình về bài làm của bạn và của mình

- GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động

MC: dẫn tiếp hoạt động 3: sáng tạo cùng Tangram

Ở hoạt động này các bạn cần sử dụng các mảnh ghép trong bộ Tangram để tạo thành các hình yêu thích. Ngay bây giờ chúng ta sẽ cùng quan sát một số hình mà bạn Voi của chúng ta đã ghép được từ bộ xếp hình Tangram

- HS quan sát và nêu cách thực hiện một hình mẫu mình thích. VD hình con cá gồm 3 phần: phần đầu được tạo từ 2 mảnh hình tam giác lớn, phần thân ghép từ mảnh tam giác và mảnh hình bình hành, phần đuôi ghép từ mảnh hình vuông và hai mảnh tam giác nhỏ còn lại...

- YC các nhóm thực hiện hoạt động

- GV sử dụng kĩ thuật *Phòng tranh nhỏ* để HS chia sẻ bài làm với bạn.

- HS chia sẻ bài làm với bạn trong nhóm 4 theo các bước sau:

+Tất cả các bạn trong nhóm đều trưng bày bài của mình cho cả nhóm xem.

+Nhóm trưởng điều khiển cả nhóm hoạt động.

VD:

→Yêu cầu 1HS nêu kết quả và cách ghép

→ Cả nhóm nhận xét.

→Bạn vừa được hỏi sẽ làm nhóm trưởng và hỏi lại các bạn khác. Luân phiên cho đến hết 4 thành viên



- GV mời 1 MC lên điều khiển việc chia sẻ trước lớp, hỗ trợ HS chiếu sản phẩm

- GV nhận xét, đánh giá và tổng kết bài bằng những lưu ý khi thực hiện ghép hình

### 3. Vận dụng, trải nghiệm

- GV cho HS quan sát những bức tranh được tạo từ nhiều bộ xếp Tangram

### 4. Hoạt động vận dụng:

- Qua tiết học hôm nay, em đã ôn tập những kiến thức gì?  
 - Có điều gì em cần thầy/cô chia sẻ thêm không?  
 - Về nhà cá em có thể tìm và thực hành thêm để củng cố và nâng cao kỹ năng ghép hình.

- HS được mời chỉ vào hình ghép mình tạo thành nêu cách ghép và yêu cầu các bạn nêu nhận xét, góp ý.

- Cả lớp theo dõi, đánh giá, nhận xét.

- HS lắng nghe.

- MC có thể yêu cầu bạn khác nêu ý tưởng mà mình chưa thể thực hiện được

- HS trao đổi nhóm 2 về kết quả và cách tính.

HS: + **Hình Con Cá**

- Sử dụng 2 hình tam giác lớn làm thân cá.
- Hình tam giác trung làm đầu cá.
- Hình tam giác nhỏ làm vây cá.
- Hình thoi làm đuôi cá.

+ **Hình Con Thỏ**

- Sử dụng 2 hình tam giác lớn làm thân và chân.
- Hình tam giác trung làm đầu.
- Hình tam giác nhỏ làm tai.
- Hình vuông và hình thoi làm các chi tiết khác như đuôi.

+ **Hình Con Rùa**

- Sử dụng 2 hình tam giác lớn làm mai rùa.
- Hình tam giác trung làm đầu.
- 2 hình tam giác nhỏ làm chân trước.
- Hình vuông làm thân.

HS Xung phong chia sẻ kết quả trước lớp.

- Nhận biết cách tạo và sử dụng bộ Tangram.

- HS nêu ý kiến theo cá nhân

## Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

.....  
 .....  
 .....

Tiết 3 : Thế dục  
 ( Đ/c Hồng soạn và dạy )

.....

Tiết 4: Lịch sử - Địa lí

## Bài 21: DÂN SỐ VÀ CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI (Tiết 2)

### I. Yêu cầu cần đạt:

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Sử dụng lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
- Biết ứng xử phù hợp, thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

#### 2. Năng lực, phẩm chất:

- Tự chủ, tự học: sưu tầm tư liệu về dân số và các chủng tộc trên thế giới.
  - Giao tiếp và hợp tác: làm việc theo cặp, nhóm.
  - Trách nhiệm: yêu thương con người, tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.
- Chăm chỉ: thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

### II. Đồ dùng dạy học:

\*GV : Phiếu học tập, máy tính, tivi.

### III. Các hoạt động dạy học:

| Hoạt động của giáo viên                                                                                                                                                                                                      | Hoạt động của học sinh                                                                                                                                                                                                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Khởi động</b><br>Bước 1: GV giao chia sẻ những hiểu biết<br>Bước 2: GV trình chiếu nd liên quan<br>- gọi hs mô tả người châu Phi mà em biết.<br>Các em khác bổ sung<br>Bước 3: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới. | HS: Mở sách : Quan sát hình ảnh và đọc thông tin, em hãy chia sẻ những hiểu biết của em về kể tên các chủng tộc trên thế giới. Theo dõi ti vi :<br>B2 : một số HS trả lời các câu hỏi.<br>Người châu Phi da đen, tóc xoắn... |
| <b>2. Khám phá: Các chủng tộc trên thế giới</b><br>* <b>Hoạt động 1:</b> Kể tên và mô tả những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới                                                                       |                                                                                                                                                                                                                              |

- Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS đọc mục 2, quan sát bảng 2 trang 100
- Bước 2: Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý:
- Bước 3: GV nhận xét và tổng kết theo nội dung gợi ý của hoạt động.

**\* Hoạt động 2:** Trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính trên thế giới

- Bước 1: GV hướng dẫn hoạt động

- Bước 2 : HD trả lời nhận xét

- Bước 3: GV nhận xét và tổng kết theo nội dung gợi ý của hoạt động.

**Hoạt động 3 :** Đọc sgk và thảo luận phần em có biết

### 3. Luyện tập

Đọc mục 2, quan sát bảng 2 trang 100 SGK.

Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm: Kể tên và mô tả những nét chính về ngoại hình của một số chủng tộc trên thế giới kẻ vào bảng nhóm và lên trình bày

Bảng 2. Đặc điểm các chủng tộc chính trên thế giới

| Chủng tộc (Europeoid)                                                                       | Chủng tộc Môn-gô-lô-ít (Mongoloid)          | Chủng tộc Nê-glô-ít (Negroid)                                             | Chủng tộc ô-xtrô-lô-ít (Austroloid)                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Da sáng trắng; tóc nâu hoặc vàng gọn sóng, mắt xanh hoặc nâu; mũi dài, hẹp, nhọn; môi rộng. | Da vàng tóc đen, mượt; mắt đen; mũi tẹt;... | Da đen sẫm; tóc đen dày, ngắn và xoắn; mũi rộng, sống mũi thẳng, môi dày. | Da đen hoặc nâu đen, tóc đen, uốn lượn sóng; mũi rộng, sống mũi gầy. |

Căn cứ vào những nét chính về ngoại hình như màu da, tóc, mắt, mũi ..... các nhà khoa học đã chia dân cư trên thế giới thành bốn chủng tộc chính.

+ Trên thế giới có 4 chủng tộc: Ô-rô-pê-ô-ít, Môn-gô-lô-ít, Nê-grô-ít và Ô-xtrô-lô-ít.

-HS đọc mục 2, quan sát hình 2 trang 101 SGK và thực hiện nhiệm vụ theo

1. Dựa vào bảng 1, em hãy tính tỉ lệ % dân số của châu Á và châu Đại Dương so với thế giới. Rút ra nhận xét.

(Tỉ lệ % dân số của các châu lục trên thế giới: châu Á chiếm 59,4% dân số thế giới, châu Đại Dương chiếm 0,6% dân số thế giới. Châu Á là châu lục đông dân nhất, châu Đại Dương là châu lục ít dân nhất trên thế giới.)

2. Trình bày tóm tắt đặc điểm về ngoại hình và sự phân bố của 1 trong 4 chủng tộc trên thế giới

Chủng tộc (Europeoid) Da sáng trắng; tóc nâu hoặc vàng gọn sóng, mắt xanh hoặc nâu; mũi dài, hẹp, nhọn; môi rộng.

Chủng tộc Môn-gô-ô-it (Mongoloid) Da vàng tóc đen, mượt; mắt đen mũi tẹt;...

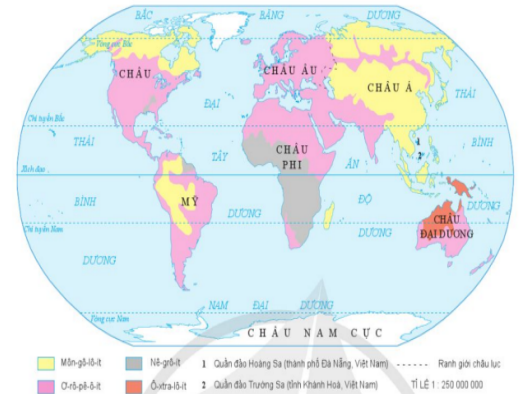
#### 4. Vận dụng

- Bước 1: GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ trong phần vận dụng trang 101 SGK.

– Bước 2: HS có thể chia sẻ ý tưởng và thống nhất thực hiện nhiệm vụ

– Bước 3: Tùy thuộc tiến trình bài dạy, GV có thể linh hoạt giao nhiệm vụ tự chọn hoặc bắt buộc, thực hiện trên lớp hoặc ở nhà và nộp sản phẩm trực tuyến/ trực tiếp. GV nhận xét vào vở hoặc sản phẩm của HS (nếu cần).

cặp: Trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính trên thế giới.



Hình 2. Lược đồ phân bố các chủng tộc chính trên thế giới

-Đại diện HS lên chỉ lược đồ và trả lời câu hỏi. HS còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý:

+ Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it: sống chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ, châu Đại Dương.

+ Chủng tộc Môn-gô-lô-it: sống chủ yếu ở châu Á.

+ Chủng tộc Nê-grô-it: sống chủ yếu ở châu Phi.

+ Chủng tộc Ô-xtra-lô-it: sống chủ yếu ở châu Đại Dương.

**Em có biết:** Các nhóm người có xưa sống cách xa nhau. Ở những môi trường sống rất khác biệt. Sự thích nghi với môi trường sống trong thời gian dài đã dẫn đến sự hình thành các nhóm người với dấu hiệu khác nhau về ngoại hình như: màu da, tóc mắt, mũi...

HD+ Tính tỉ lệ % dân số của châu Á và châu Đại Dương. Rút ra nhận xét.

-Bước1 : Tính % của 2 số

-Bước 2: Đại diện các cặp lên trình bày kết quả

-Bước 3: nhận xét, tổng kết.

HD2+ Chia nhóm

### 5. củng cố, dặn dò.

- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà: GV yêu cầu HS về nhà ôn lại bài và vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm ngoại hình của 4 chủng tộc trên thế giới.

- Bước 1 : mỗi nhóm chọn 1 chủng tộc
- Bước 2: Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả của nhóm.
- Bước 3: nhận xét, tổng kết.

Về nhà Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây

1. Chia sẻ ý tưởng và làm một sản phẩm (vẽ tranh hoặc viết một đoạn văn ngắn) thể hiện sự tôn trọng những người không cùng chủng tộc với mình
2. Tìm hiểu và giới thiệu về ngày Dân số Việt Nam (ngày 26-12)

1-Mỗi chủng tộc, dân tộc hay con người sinh ra trên trái đất đều có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Tuy giữa họ có nhiều khác biệt nhưng mọi người đều chung tay đóng góp xây dựng trái đất thêm đa dạng tươi đẹp. Chúng ta cần tôn trọng sự khác biệt của các chủng tộc loài người nói riêng và cũng cần bảo vệ sự sống trên trái đất nói chung để cho thế giới hòa bình hạnh phúc.

2- Ngày dân số Việt Nam 26-12  
Ngày 19-5-1997, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định lấy ngày 26-12 hằng năm làm Ngày Dân số Việt Nam nhằm tập trung sự quan tâm của toàn xã hội cho công tác dân số, điều chỉnh sự phát triển dân số cho phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

.....

.....

.....

Chiều:

Tiết 5: Tiếng việt 5**BÀI ĐỌC 2: VINH DANH NƯỚC VIỆT****I. Yêu cầu cần đạt:****1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Giọng đọc thể hiện được tình cảm, cảm xúc, phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 100 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì II.

-Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (từ ngữ khó: *nhật thực, giám đốc nghiên cứu, cơ duyên,...*). Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc.

-Biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ, chi tiết hay.

**2. Năng lực, phẩm chất**

- NL tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: hình thành và phát triển năng lực văn học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc về tình yêu thiên nhiên.; tham gia hoạt động nhóm.

- Phẩm chất yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu nước.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc bài, trả lời câu hỏi.

**\* ANQP:** Ca ngợi nhà thiên văn học Nguyễn Quang Riệu một người con đất Việt với hàng trăm đề tài, công trình nghiên cứu thiên văn học đã góp phần vào nền nghiên cứu thiên văn học của nước nhà.

**II. Đồ dùng dạy học:**

\*GV: máy tính, tivi.

**III. Các hoạt động dạy học:****HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN****HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH****1. Hoạt động khởi động**

- Giáo viên có thể cho học sinh nghe một bài hát về thầy cô giáo để tạo không khí tích cực cho giờ học.

- **Giới thiệu bài:** Qua câu chuyện về nhà bác học Ga-li-lê ở lớp 4, phần Chia sẻ mở đầu chủ điểm này và tiết trao đổi Chinh phục bầu trời, các em đã biết một ngành khoa học có truyền thống rất lâu đời là thiên văn học. Hôm nay, chúng ta sẽ học câu chuyện về một nhà thiên văn học người Việt Nam là Giáo sư Nguyễn Quang Riệu. Ông Nguyễn Quang Riệu sống và làm việc ở Pháp nhưng luôn

-Thực hiện yêu cầu



nặng lòng với quê hương, có nhiều đóng góp cho quê hương. Chính vì vậy, ông đã được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao Giải thưởng Vinh danh nước Việt. Ông trở thành Việt kiều đầu tiên được giới thiệu trong sách giáo khoa phổ thông của nước ta. Quyển sách giáo khoa *Tiếng Việt 5* mà các em đang học cũng là quyển sách giáo khoa phổ thông đầu tiên có bài tập đọc về tấm gương của một Việt kiều.

## 2. Hình thành kiến thức:

### Hoạt động 1: Đọc thành tiếng

-GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương. (từ ngữ khó: *nhật thực, giám đốc nghiên cứu, cơ duyên,...*). Chú ý nghỉ hơi ở các câu văn dài để câu liền mạch về nghĩa không bị ngắt quãng.

- Tổ chức cho HS luyện đọc:

+ Chia nhóm 4, lần lượt mỗi học sinh đọc 1 đoạn trong nhóm bạn cuối cùng đọc 2 đoạn.

+ HS lần lượt đọc nối tiếp các đoạn trong bài, giọng đọc phù hợp với nội dung câu chuyện:

+ Đoạn 1 (từ đầu đến ... Đài Thiên văn Pa-ri.

+ Đoạn 2 (từ Giáo sư Nguyễn Quang Riệu... đến ... sang Pháp học..):

+ Đoạn 3 (Từ Cả cuộc đời lao động miệt mài...đến... Khoa học Pháp):

+ Đoạn 4 (Từ Từ năm 1976... đến làm tiến sĩ tại Pháp.)

+ Đoạn 5 (Từ Với những đóng góp... đến hết.)

+ Cho một số nhóm đọc trước lớp.

+ GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy.

+ Cho học sinh luyện đọc một số từ khó.

### Hoạt động 2: Đọc hiểu

#### - Cách tiến hành

- GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 4 câu hỏi:

- HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.

- HS cùng GV giải nghĩa từ khó.

-Hs thực hiện yêu cầu.

- Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của giáo viên.

- Học sinh phát hiện những từ khó đọc, thực hành luyện đọc từ khó.

- HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi theo yêu cầu của GV.



- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi *Hỏi đáp trước lớp*.

- GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi: “Đố bạn, đố bạn”

+ Mỗi nhóm 2 bạn sẽ lên trước lớp. Bạn thứ nhất hỏi câu 1, bạn thứ hai trả lời. Sau đó bạn thứ hai hỏi câu 2, bạn thứ nhất trả lời. Lần lượt như thế đến hết. Sau đó cho họ sinh nhận xét và nhóm khác tiếp tục.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em nội dung bài đọc nói lên điều gì?*

- GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).

*Câu 1: Theo bài đọc, cơ duyên nào đã dẫn ông Nguyễn Quang Riệu đến với công việc khám phá bầu trời?*

*Câu 2: Giáo sư Nguyễn Quang Riệu đã có những đóng góp gì cho khoa học và đất nước?*

*Câu 3: Giải thưởng Vinh danh nước Việt thể hiện sự đánh giá của quê hương đối với ông Nguyễn Quang Riệu như thế nào?*

*Câu 4: Em học được gì ở cách giới thiệu nhân vật trong bài đọc này?*

-Thực hiện trò chơi.

Trả lời:

Câu 1: Thuở nhỏ, ông thường được cha mẹ đưa lên thăm Đài Thiên văn Phủ Liễn. Có thể hình ảnh đài thiên văn này đã khắc sâu vào tâm trí ông, là một trong những cơ duyên dẫn ông đến với công việc khám phá bầu trời khi sang Pháp học.

Câu 2: Cả cuộc đời lao động miệt mài, Giáo sư đã công bố hơn 150 công trình nghiên cứu. Năm 1972, ông xác định được chính xác vị trí vụ nổ ở chòm sao Thiên Nga và được Giải thưởng của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp. Từ sau ngày đất nước thống nhất, ông thường xuyên về nước nghiên cứu và dạy học, tặng thiết bị thiên văn học cho các cơ quan nghiên cứu, xin học bổng của Pháp cho sinh viên Việt Nam và góp phần đào tạo nhiều tiến sĩ cho VN.

Câu 3: Giải thưởng đó thể hiện sự đánh giá cao của quê hương đối với ông Nguyễn Quang Riệu. Ông đã làm rạng danh Tổ quốc Việt Nam.

Câu 4: Bài đọc mở đầu bằng một sự kiện đặc biệt diễn ra ở thành phố Phan Thiết, từ đó giới thiệu nhân vật và kể về cuộc đời ông, về những đóng góp của ông cho thiên văn học và cho đất nước.

-Trả lời:

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.

- Bài học ca ngợi tài năng và lòng yêu nước của Giáo sư Nguyễn Quang Riệu, một người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

### 3. Hoạt động luyện tập

#### Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc

##### - Cách tiến hành:

- GV mời một số HS đọc nối tiếp từng đoạn trong bài đọc. Có thể cho các nhóm thi đọc diễn cảm với nhau.

- Chú ý hướng dẫn HS nghỉ hơi đúng và thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp khi đọc như hướng dẫn ở phần đọc mẫu của giáo viên.

- GV nhận xét việc đọc của HS.

- HS thi đọc diễn cảm nối tiếp theo nhóm.

- Các học sinh khác nhận xét bạn đọc.

### 4. Hoạt động vận dụng:

#### \* GDANQP:

- Em biết gì về Nguyễn Quang Riệu ?

Nêu hiểu biết của mình về Nguyễn Quang Riệu ?

- Nguyễn Quang Riệu đã góp phần vào nền nghiên cứu thiên văn học của nước nhà như thế nào?

- GV nhận xét tiết học, khích lệ HS.

- *Dặn dò:* GV nhắc HS về nhà chia sẻ bài học với những người xung quanh mình và chuẩn bị bài học tiếp theo.

- HS trả lời

- HS lắng nghe.

**Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

.....  
 .....  
 .....

Tiết 6 : Âm nhạc  
 ( Đ/c Hiền soạn và dạy )

.....

Tiết 7: Hoạt động trải nghiệm 2**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:  
NUÔI DƯỠNG, GIỮ GÌN TÌNH BẠN****I. Yêu cầu cần đạt:****1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Xây dựng được Bí kíp nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn
- Thực hiện được những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn trong một số tình huống cụ thể.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.
- *Tự lực, trách nhiệm*: chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí, có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

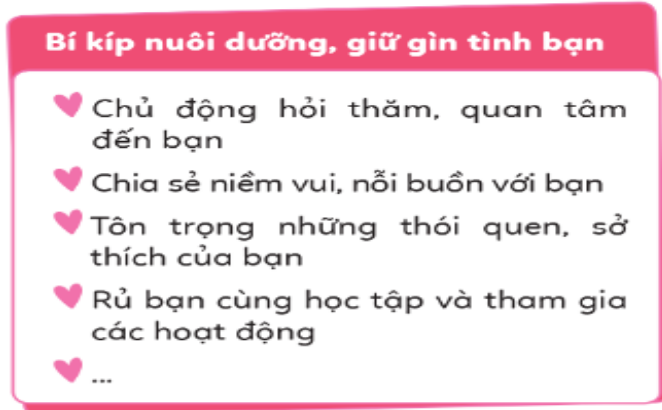
**II. Đồ dùng dạy học:**

\* **Giáo viên**: Giấy A3, bút, bút màu; tranh, ảnh liên quan đến chủ đề.

**III. Các hoạt động dạy học:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | HOẠT ĐỘNG CỦA HS                                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Hoạt động khởi động:</b><br>- GV tổ chức cho HS nghe và vận động cơ thể theo bài hát <i>Tìm bạn thân</i> .<br><a href="https://youtu.be/fZLEYuMf-fg">https://youtu.be/fZLEYuMf-fg</a><br>- GV mời 1 – 2 HS trình bày. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).<br>- GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: <i>Để có được tình bạn đẹp các em hãy đến với bài học ngày hôm nay – Tuần 30 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.</i><br><b>2. Hình thành kiến thức mới</b><br><b>Hoạt động 3: Xây dựng bí kíp nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn</b><br>- GV chia HS thành các nhóm, mỗi nhóm 4 HS: <i>Thảo luận xây dựng Bí kíp nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.</i><br>- GV khuyến khích HS trình bày và trang trí bí kíp thật sáng tạo độc đáo.<br>- GV hướng dẫn cụ thể như sau:<br>+ Mỗi bạn trong nhóm đề xuất một bí kíp nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn. | - HS nghe và vận động.<br><br>- HS trình bày.<br><br>- HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.<br><br>- HS làm việc nhóm.<br><br>- HS lắng nghe. |

- + Lựa chọn nội dung và cách trình bày các bí kíp.
- + Thiết kế bí kíp theo ý tưởng của nhóm.
- GV trình chiếu cho HS quan sát mẫu bí kíp:



- GV tổ chức cho HS các nhóm giới thiệu bí kíp của nhóm.
- GV khen ngợi sự sáng tạo của HS khi thiết kế bí kíp.
- GV kết luận: *Các em hãy tích cực thực hiện những việc làm nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn đã đề xuất trong bí kíp để xây dựng những tình bạn thật đẹp nhé!*

#### **Hoạt động 4: Thực hành lời nói và việc làm nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn**

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm (4 – 6 HS): *Đóng vai thực hiện những lời nói, việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn trong các tình huống sau.*
- + Tình huống 1: Em liên lạc với một người bạn thân đã chuyển trường, lâu ngày không gặp nhau.



- + Tình huống 2: Bạn em bị ốm phải nghỉ học.



- + Tình huống 3: Em làm quen với một bạn mới chuyển đến lớp.

- HS chia sẻ.
- HS lắng nghe, tiếp thu.
- HS lắng nghe, tiếp thu.
- HS làm việc nhóm.



+ Tình huống 4: Gia đình bạn em có chuyện buồn.



- GV mời một số nhóm đóng vai xử lý tình huống. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, ghi nhận đáp án hợp lý:

+ *Tình huống 1: Em sẽ chào hỏi bạn một cách nhiệt tình, hỏi thăm về cuộc sống, sức khỏe và về dự kiến trong tương lai của bạn. Có thể mời bạn gặp nhau sau nhiều ngày xa cách.*

+ *Tình huống 2: Em sẽ tới thăm bạn, mua đồ tới cho bạn ăn để mau khỏe, giúp bạn ghi chép lại bài tập khi bạn nghỉ học.*

+ *Tình huống 3: Em sẽ chủ động đến bắt chuyện với bạn, hỏi bạn về tên, sở thích, khó khăn nếu có để giúp đỡ bạn hòa đồng, nhanh chóng làm quen với môi trường mới.*

+ *Tình huống 4: Em sẽ an ủi bạn và động viên bạn cố gắng vượt qua nỗi buồn.*

- GV mời một số HS chia sẻ suy nghĩ và cảm nhận của bản thân sau khi tham gia hoạt động theo gợi ý:

+ *Em thích phần đóng vai của nhóm nào nhất? Vì sao?*

+ *Em học được điều gì về cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn qua việc xử lý các tình huống này?*

- GV kết luận: Để trở thành một người bạn tốt, chúng ta cần biết sẻ chia niềm vui, nỗi buồn, quan tâm, giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn. Mỗi lời nói, việc làm thể hiện tình cảm và sự chân thành đối với bạn bè sẽ giúp các em nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn và phát triển mối quan hệ tốt đẹp với các bạn xung quanh.

### 3. Hoạt động luyện tập

#### Bài tập trắc nghiệm:

- GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

- HS trình bày.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS chia sẻ.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS lắng nghe câu hỏi.

**Câu 1:** T là bạn thân của H. Đạo gần đây T thường xuyên nhờ H chép bài hộ, có khi còn nhờ làm giúp bài tập về nhà. Nếu em là H, em sẽ làm gì?

- A. Báo với thầy cô giáo để phạt bạn T.
- B. Có thể chép bài hộ nhưng cương quyết không làm bài tập về nhà giúp T.
- C. Không chép bài hộ, cũng không làm giúp bạn bài tập về nhà.
- D. Tìm hiểu lí do tại sao T lại nhờ vả mình. Nếu T gặp khó khăn sẽ cùng bạn giải quyết.

**Câu 2:** Câu tục ngữ “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng” mang ý nghĩa gì?

- A. Cần lựa chọn bạn tốt để chơi cùng.
- B. Không nên chơi với bất kì ai.
- C. Chỉ nên chơi với người quen biết.
- D. Nên chơi với tất cả mọi người.

**Câu 3:** Đâu ý nghĩa của tình bạn đẹp?

- A. Giúp con người tự tin trong cuộc sống.
- B. Khiến con người dần chiếm được thiện cảm của mọi người
- C. Tạo động lực cho con người giải quyết các vấn đề gia đình.
- D. Tạo được niềm tin đối với người thân.

**Câu 4:** Arixtot đã nói: Tình bạn là cái cần thiết nhất đối với cuộc sống, vì không ai lại mong muốn cuộc sống không có bạn bè, dù cho người đó có mọi hạnh phúc khác chẳng nữa. Tình bạn mà Arixtot đề cập đến là tình bạn như thế nào?

- A. Tình bạn hạnh phúc. B. Tình bạn lợi ích.
- C. Tình bạn lành mạnh. D. Tình bạn toan tính.

**Câu 5:** Đâu không phải trường hợp để em thể hiện hành động, lời nói để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn?

- A. Em liên lạc với bạn cũ.
- B. Bạn và em cùng đi xem phim.
- C. Bạn em bị ốm nghỉ học.
- D. Gia đình bạn có chuyện buồn.

- 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|--------|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | A | A | C | B |

- HS trình bày.

- HS lắng nghe, tiếp thu.



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| <b>4. Hoạt động vận dụng:</b><br>- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.<br>- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.<br>- GV nhắc nhở HS:<br>+ Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.<br>+ Sử dụng Bí kíp nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn trong cuộc sống hằng ngày.<br>+ Chuẩn bị cho tiết Sinh hoạt lớp. | - HS lắng nghe, tiếp thu.<br>- HS lắng nghe, tiếp thu<br>- HS lắng nghe, ghi chú. |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 17 tháng 4 năm 2025

Buổi chiều:

Tiết 5: Toán

### BÀI 79: BIỂU ĐỒ HÌNH QUẠT TRÒN (TIẾT 1)

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Sau bài học, HS nhận biết được biểu đồ hình quạt tròn.
- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn. Bước đầu biết phân tích số liệu cho trên biểu đồ hình quạt tròn.

##### 2. Năng lực, phẩm chất:

- Thông qua nhận biết về biểu đồ hình quạt tròn, đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn và bước đầu biết phân tích số liệu cho trên biểu đồ hình quạt tròn, HS có cơ hội được phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học. Năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

-Học sinh giúp đỡ, hỗ trợ bạn bè trong học tập, đặc biệt là những bạn gặp khó khăn với các bài toán; kiên trì, nỗ lực thực hiện các bài tập, ôn luyện các phép tính để nắm vững kiến thức và kỹ năng toán học; trung thực trong việc làm bài, không gian lận, trọng kết quả học tập của bản thân và của bạn bè.

#### II. Đồ dùng dạy học.

\* **Giáo viên:** Ti vi, máy tính

#### III. các hoạt động dạy học:

##### HOẠT ĐỘNG CỦA GV

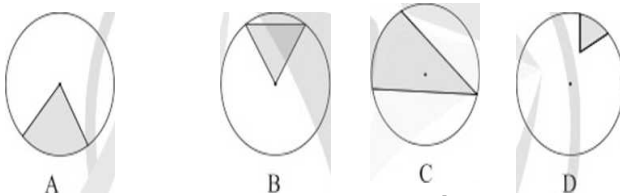
##### HOẠT ĐỘNG CỦA HS

#### 1. Hoạt động khởi động

- GV nêu yêu cầu khởi động:
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi khởi động **xe buýt đến rồi, xe buýt đến rồi xe buýt đến rồi, xe buýt đến rồi**

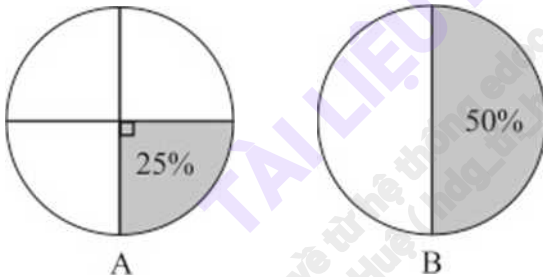
**Luật chơi:** Xe buýt dừng ở mỗi trạm các câu hỏi sẽ xuất hiện, HS sẽ dùng bảng con ghi đáp án. Nếu đáp án đúng sẽ tiếp tục tham gia còn đáp án sai sẽ phải dừng cuộc chơi. Kết thúc trò chơi bạn nào nhanh và đúng sẽ giành chiến thắng, Người thua sẽ chịu hình phạt do các thành viên khác yêu cầu.

- Câu 1: Cho các hình sau, Hình nào có phần đã tô màu là hình quạt tròn



- Vì sao hình A là hình có phần tô màu là hình quạt tròn

- Câu 2: Mỗi hình sau đã được tô màu vào bao nhiêu phần trăm của hình tròn?



- YC HS giải thích cách làm

- Câu 3: Các con đã học mấy loại công cụ thống kê?
- GV hỏi HS nêu tên các loại biểu đồ đã học

→ Nhận xét, dẫn dắt vào hoạt động mới

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức

- GV yêu cầu HS quan sát nêu một số thông tin em biết khi quan sát bảng thống kê sau. Bảng theo dõi dinh dưỡng trong một ngày của gia đình bạn Thu:

- HS thực hiện theo HS tham gia trò chơi **xe buýt đến rồi, xe buýt đến rồi**

*\*Dự kiến kết quả*

- Câu 1: Đáp án A

- HS: Vì hình A có phần tô màu là hai bán kính và có đường cong

- HS trả lời: Hình A được tô màu vào hình tròn, chính là 25% hình tròn.

- Hình B được tô màu vào một nửa hình tròn chính là 50% hình tròn.

- HS nêu giải thích theo ý hiểu về tỉ lệ phần trăm đã học. Hình A phần tô màu chiếm một phần tư hình tròn ứng với 25%; Hình B phần tô màu chiếm một phần hai hình tròn ứng với 50%

- HS Ghi số 3

- Nêu tên các loại công cụ thống kê đã học là bảng thống kê số liệu, biểu đồ tranh, biểu đồ cột.

- HS 1 nói: “Đây là bảng thống kê theo dõi chất dinh dưỡng sử dụng trong một ngày của gia đình bạn Thu”.

- HS 2 nói: Có 4 nhóm chất dinh dưỡng được thống kê là tinh bột, chất

| Đinh dưỡng              | Khối lượng (g) |
|-------------------------|----------------|
| Tinh bột (ngũ cốc,...)  | 2 100          |
| Chất đạm (thịt, cá,...) | 850            |
| Chất béo (dầu, mỡ,...)  | 200            |
| Vitamin và khoáng chất  | 1 050          |
| <b>Tổng</b>             | <b>4 200</b>   |

- GV: Từ lớp 2, chúng ta đã được học nhiều công cụ thống kê khác nhau. Trong mỗi tình huống cụ thể, người ta sẽ lựa chọn công cụ thống kê phù hợp để biểu diễn số liệu thống kê sao cho dễ quan sát, dễ tìm hiểu, phân tích thông tin.

- Bài ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu một công cụ thống kê nữa đó là *biểu đồ hình quạt tròn*.

- GV hướng dẫn HS chuyển đổi các số liệu về dạng tỉ số %:

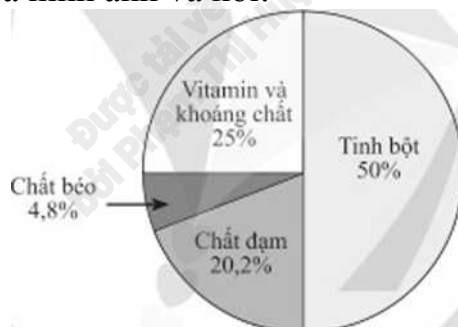
+ Trong bảng số liệu tinh bột, ngũ cốc chiếm bao nhiêu %?

+ Em hãy nêu cách thực hiện

- YC HS chuyển các số liệu còn lại và nêu kết quả

- GV nói: Khi những số liệu ở dạng tỉ số phần trăm, người ta thường sử dụng một loại công cụ thống kê để dễ quan sát, dễ đọc, dễ so sánh, phân tích. Đó là *biểu đồ hình quạt tròn*.

- GV đưa hình ảnh và nói:



Biểu đồ theo dõi dinh dưỡng trong một ngày của gia đình bạn Thư

Trong biểu đồ hình quạt tròn người ta:

- Dùng một hình tròn để biểu diễn toàn bộ các số liệu.

- Các hình quạt tròn biểu diễn tỉ số phần trăm từng loại dinh dưỡng được thống kê.

- GV yêu cầu: Hãy quan sát biểu đồ và nói cho

đạm, chất béo, vitamin và khoáng chất, số liệu thống kê cho biết: Tinh bột 2 100 g; Chất đạm 850 g; Chất béo 200 g; Vitamin và khoáng chất 1 050 g.

- HS 3 nói: Em còn biết được nhà bạn ăn nhiều tinh bột nhất, ít chất béo nhất.

- HS lắng nghe, nhắc lại tên bài và ghi tên bài

- Tinh bột chiếm 50%

-  $2100 : 4200 = 50\%$ ..

- HS thực hiện và nêu tỉ số phần trăm các loại tương ứng

- HS chú ý quan sát

- HS thảo luận nhóm đôi và nêu kết

bạn nghe về những thông tin biết được từ biểu đồ này.

- + Tên biểu đồ (thống kê về cái gì).
- + Tên các đối tượng thống kê (thống kê loại đối tượng nào).
- + Các số liệu thống kê được viết dưới dạng tỉ số phần trăm.
- + Mỗi loại chiếm bao nhiêu %, và tổng các tỉ số phần trăm ghi ở các hình quạt tròn là 100%.

- Con có nhận xét gì về độ rộng hẹp của biểu đồ hình quạt tròn?

- GV nhận xét kết luận

## 2. Hoạt động thực hành, luyện tập

### Bài 1:

- GV gọi HS nêu YC bài tập 1
- Tên của biểu đồ là gì?

- Những loại màu sắc nào được 500 bạn học sinh lựa chọn?

- GV giao nhiệm vụ HS làm VBT

+ Có bao nhiêu phần trăm học sinh thích màu xanh lá cây?

+ Tính số phần trăm học sinh thích màu đỏ?

qua:

+ Biểu đồ hình quạt tròn nói trên thống kê các loại chất dinh dưỡng sử dụng trong một ngày của gia đình bạn Thư.

+ Có 4 loại chất dinh dưỡng được thống kê là: chất bột, chất đạm, chất béo, vitamin và khoáng chất.

- Tỉ số phần trăm ghi ở mỗi hình quạt tròn tương ứng với tỉ số phần trăm của từng loại chất dinh dưỡng.

- Tổng các tỉ số phần trăm ghi ở 4 hình quạt tròn là 100%.

- Nhìn vào biểu đồ ta còn biết được loại chất dinh dưỡng nào được gia đình bạn Thư sử dụng nhiều nhất, loại nào ít nhất.

- HS khác nhận xét và nêu ý kiến

- Tỉ lệ phần trăm càng lớn thì biểu đồ hình quạt tròn càng rộng

- HS chú ý lắng nghe

- 1 HS nêu trước lớp.

- Sự ưa thích các loại màu sắc của 500 học sinh.

- HS trả lời

HS làm việc cá nhân và trình bày kết quả trước lớp:

+ Số học sinh thích màu xanh lá cây chiếm 30%.

+ Số học sinh thích màu đỏ chiếm: 46%.

- HS lớp nhận xét giải thích cách làm

- HS hỏi: Bạn tính số phần trăm học sinh thích màu đỏ bằng cách nào?

- HS trả lời: Tính tổng số phần trăm học sinh thích màu xanh lá cây, màu

- GV tổng kết bài tập 1.
- Tổng tỉ số phần trăm của biểu đồ hình quạt tròn là bao nhiêu?
- Bạn Mai nói: “Gần một nửa số học sinh thích màu đỏ” theo em nhận xét của bạn Mai đúng hay sai? Vì sao?

## Bài 2:

- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập 2
- Hãy nêu tên gọi của biểu đồ hình quạt tròn?
- GV YC HS thảo luận nhóm 2
- + Có bao nhiêu phần trăm du khách thích món bún chả?
- + Có bao nhiêu phần trăm du khách thích món nem rán?

- GV nhận xét

## 3. Hoạt động vận dụng

- Nếu mở rộng khảo sát trên 2000 du khách người ta nhận thấy tỉ số phần trăm du khách thích món bún chả vẫn là 25%. Em hãy so sánh 25% của 1400 du khách và 25% của 2000 du khách?
- Vậy con có lưu ý gì?

vàng, màu xanh da trời. Từ đó, tính được số phần trăm HS thích màu đỏ bằng cách lấy  $100\% - \text{tổng \% đỏ}$ .

+ Số HS thích màu xanh lá cây chiếm 30%.

+ Số HS thích màu vàng chiếm 8%.

+ Số HS thích màu xanh da trời chiếm 16%.

+ Số HS thích màu đỏ chiếm:  $100\% - 30\% - 16\% - 8\% = 46\%$ .

- HS nêu ý kiến khác: số phần trăm của học sinh thích màu đỏ:  $100\% - (30\% + 16\% + 8\%) = 46\%$ .

- HS nghe.

- Tổng tỉ số phần trăm của biểu đồ hình quạt tròn là 100%

- Bạn Mai nói đúng vì 46% gần bằng 50% ( Vì quan sát trên biểu đồ số HS thích màu đỏ chiếm gần một nửa hình tròn)

- 1 HS nêu

- Kết quả bình chọn món ăn Hà Nội ưa thích của 1 400 du khách nước ngoài

- HS thảo luận n 2 và trình bày kết quả

+ Số du khách thích món bún chả chiếm 25%.

+ Tổng số phần trăm du khách thích món bún chả, bún đậu và phở là:

$$25\% + 18,5\% + 42\% = 85,5\%$$

Vậy, số phần trăm du khách thích món nem rán là:

$$100\% - 85,5\% = 14,5\%$$

- HS nhận xét nêu ý kiến khác

+ Dựa vào đâu bạn biết số du khách thích món bún chả chiếm 25%

+ Nêu cách làm khác tính số phần trăm du khách thích món nem rán?

- HS nêu câu trả lời

- Chúng ta phải quan sát xem đó là tỉ số phần trăm của cái gì?

**4. Củng cố, dặn dò**

- Bài học hôm nay giúp em hiểu gì về biểu đồ hình quạt tròn?
- 25% ứng với bao nhiêu phần của hình tròn, 50% ứng với bao nhiêu phần của hình tròn?
- Chuẩn bị cho tiết 2: bài tập 3,4,5

- HS trả lời

**Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

.....

.....

.....

**Tiết 6: Đạo đức****EM PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI ( TIẾT 3)****I. Yêu cầu cần đạt:**

- Nêu được một số quy tắc an toàn cá nhân để phòng tránh bị xâm hại; các biểu hiện của trẻ em bị xâm hại; hậu quả của việc xâm hại trẻ em
- Nhận biết được nguy cơ khi bản thân có thể bị xâm hại.; Biết cách phòng tránh và ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại; Một số qui định của pháp luật về phòng tránh xâm hại trẻ em.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Tivi, máy tính.
- HS: Suu tầm 1 số tranh ảnh về trẻ em bị xâm hại

**III. Các hoạt động dạy học:****1. Khởi động**

- Cho HS xem 1 video tình huống bạn nhỏ đi chơi bên đườn vắng... - HS xem và chia sẻ ý kiến
- Chuyện gì có thể xảy ra với bạn nhỏ trong vi đeo các em vừa xem
- GV liên hệ vào bài

**2. Khám phá**

**\* Hoạt động 1:** Khi nào chúng ta có thể bị xâm hại?

- Yêu cầu HS đọc lời thoại của các nhân vật
- + Các bạn trong các tình huống trên có thể gặp phải nguy hiểm gì?
- GV ghi nhanh ý kiến của học sinh

- 3 HS tiếp nối nhau đọc và nêu ý kiến trước lớp.
- + Tranh 1: Đi đường vắng 2 bạn có thể gặp kẻ xấu cướp đồ, dụ dỗ dùng chất gây nghiện.
- + Tranh 2: Đi một mình vào buổi tối đêm đường vắng có thể bị kẻ xấu hãm hại, gặp nguy hiểm không có người giúp đỡ.



- GV nêu: Nếu trẻ bị xâm hại về thể chất, tình dục... chúng ta phải làm gì để đề phòng.

- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4

- GV nhận xét bổ sung

**Hoạt động 2:** *Ứng phó với nguy cơ bị xâm hại*

- Yêu cầu học sinh hoạt động theo tổ

- HS đưa tình huống

- GV giúp đỡ, hướng dẫn từng nhóm

Ví dụ: Tình huống 1: Nam đến nhà Bắc chơi gần 9 giờ tối. Nam đứng dậy đi về thì Bắc cứ cố giữ ở lại xem đĩa phim hoạt hình mới được bố mẹ mua cho hôm qua. Nếu là bạn Nam em sẽ làm gì khi đó?

- Gọi các đội lên đóng kịch

- Nhận xét nhóm trình bày có hiệu quả

**Hoạt động 3:** *Những việc cần làm khi bị xâm hại*

- Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi

+ Khi có nguy cơ bị xâm hại chúng ta cần phải làm gì?

+ Khi bị xâm hại chúng ta sẽ phải làm gì?

+ Theo em có thể tâm sự với ai?

**3. Hoạt động vận dụng**

+ Để phòng tránh bị xâm hại chúng ta phải làm gì?

+ Tranh 3: Bạn gái có thể bị bắt cóc bị hãm hại nếu lên xe đi cùng người lạ.

- HS hoạt động nhóm ghi vào phiếu học tập. Các nhóm trình bày ý kiến

- HS thảo luận theo tổ

- Học sinh làm kịch bản

*Nam:* Thôi, muộn rồi tớ về đây.

*Bắc:* Còn sớm... ở lại xem một đĩa anh em siêu nhân đi.

*Nam:* Mẹ tớ dặn phải về sớm, không nên đi một mình vào buổi tối.

*Bắc:* Cậu là con trai sợ gì chứ?

*Nam:* Trai hay gái thì cũng không nên đi về quá muộn. Nhỡ gặp kẻ xấu thì có nguy cơ bị xâm hại.

*Bắc:* Thế cậu về đi nhé...

- 2 học sinh trao đổi chia sẻ

+ Đứng dậy ngay

+ Bỏ đi chỗ khác

+ Nhìn thẳng vào mặt người đó

+ Chạy đến chỗ có người

+ Phải nói ngay với người lớn.

+ Bố mẹ, ông bà, anh chị, cô giáo.

- HS chia sẻ

**Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

.....  
 .....  
 .....

Tiết 7: Khoa học

**Bài 19: CHỨC NĂNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SINH VẬT( tiết 2)**

## **I. Yêu cầu cần đạt:**

### **1. Năng lực đặc thù:**

- Trình bày được các chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng:

+ Cung cấp chỗ ở, thức ăn và những nhu cầu sống thiết yếu khác.

+ Nơi chứa đựng các chất thải do con người và sinh vật tạo ra trong quá trình sống.

+ Bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài.

- Thực hành tìm hiểu về chức năng của môi trường đối với con người.

-Nêu được hậu quả của việc con người thải quá nhiều chất thải độc hại vào môi trường và một số việc HS, gia đình các em có thể làm để bảo vệ môi trường.

### **2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành sơ đồ chức năng của môi trường đối với con người.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, nêu được các biện pháp giảm thiểu rác thải ra môi trường, nêu được các việc làm để bảo vệ môi trường.

- Năng lực tự học: HS nêu được chức năng cơ bản của môi trường đối với con người.

### **3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chăm chỉ suy nghĩ trả lời các câu hỏi, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường xung quanh và hạn chế rác thải, sống tiết kiệm,...

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng hoàn thành nhiệm vụ học tập.

## **II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Giáo viên-** TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PP, phấn màu, tranh ảnh, video, clip về chức năng của môi trường đối với con người; Video về chức năng của con người đối với môi trường

### **2. HS:**

- Bút dạ, bảng nhóm

## **III. Các hoạt động dạy học:**

### **1. Hoạt động mở đầu**

-Gv cho Hs chia sẻ:

+ Kể tên một số môi trường sống của sinh vật.

+Nêu các chức năng của môi trường với sinh vật. Cho ví dụ.

+ Môi trường có chức năng gì đối với con người?

- HS chia sẻ.

- Hs lắng nghe

- Cho Hs nhận xét và GTB

## 2. Hoạt động khám phá kiến thức:

### Hoạt động 2: Tìm hiểu chức năng của môi trường đối với con người

\*Làm việc nhóm

-GV yêu cầu HS quan sát hình 4, trang 92 SGK và thực hiện yêu cầu: Cho biết môi trường cung cấp cho con người những gì và nhận từ con người những gì.

-Gọi Hs chia sẻ trước lớp

+H: Nêu thêm ví dụ về chức năng của môi trường đối với con người.

- GV chốt lại một số kiến thức cốt lõi ở mục Con ong.

-Hs trao đổi nhóm đôi

-Quan sát H4, tr92 và nêu nội dung từng hình

a) Môi trường cung cấp cho con người thức ăn, đất để xây nhà ở. Con người thải ra môi trường nước, rác thải sinh hoạt, ...

b) MT cung cấp cho con người đất để trồng trọt, chăn nuôi, làm nhà ở...; con người làm diện tích đất bị thu hẹp,...

...

+

-Đại diện các cặp trình bày trước lớp những nội dung đã thực hiện. Các cặp khác nhận xét và bổ sung (nếu cần).

-Hs đọc kiến thức cần nhớ tr 92

## 3. Thực hành, luyện tập

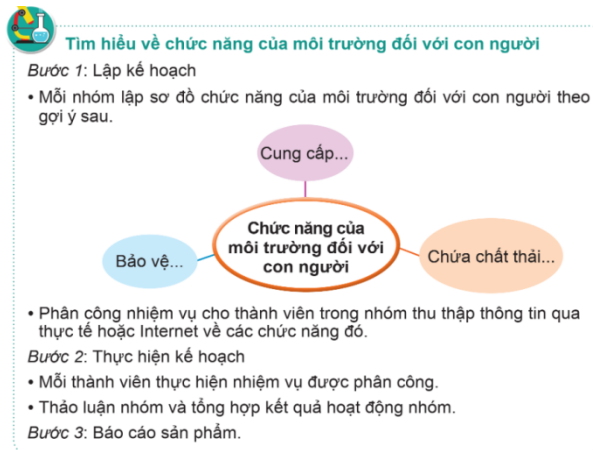
### Hoạt động 3: Thực hành tìm hiểu các chức năng của môi trường đối với con người

- Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4-5 em để tìm hiểu các chức năng của môi trường đối với con người đã được chuẩn bị ở nhà

-Thảo luận nhóm 4- 5

-Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để hoàn thiện SĐTD

+ Mỗi thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ được phân công: Tập trung vào ba tiêu chí cung cấp (ví dụ thức ăn, nước uống, dược liệu,...); bảo vệ (ví dụ: tầng ozone); chứa chất thải (ví dụ nhà máy, phương tiện giao thông.....



- Gv theo dõi, giúp đỡ các nhóm( nếu cần)
- Tổ chức cho Hs chia sẻ kết quả trước lớp.
- +1 Hs đóng vai phóng viên, tổ chức cho các nhóm chia sẻ, trình bày SĐTD

- Gv yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá SĐTD theo các tiêu chí:
- +Sản phẩm đủ ba tiêu chí trên
- +Sản phẩm phong phú.
- +Sản phẩm có cả bài viết, hình ảnh
- GV chốt và cho Hs xem thêm hình ảnh, video minh họa về chức năng của MT đối với con người.

#### **Hoạt động 4: Thảo luận về chức năng chứa chất thải của môi trường**

- Cho Hs thảo luận theo cặp, TLCH:
- + Nếu con người thải quá nhiều các chất thải độc hại vào môi trường thì điều gì sẽ xảy ra?
- + Nêu một số việc em và gia đình có thể làm để góp phần bảo vệ môi trường.
- Cho HS chia sẻ trước lớp
- Gv nhận xét, cho Hs xem các hình ảnh minh họa khác về việc con người thải các chất bẩn, rác thải, ... ra môi trường và hậu quả của nó
- GV chốt lại một số kiến thức cốt lõi và giáo dục Hs

- +Hs trình bày SĐTD đã chuẩn bị ở nhà
- + Nhóm thảo luận và tổng hợp kết quả hoạt động nhóm theo sơ đồ tư duy

- 1HS đóng vai phóng viên phỏng vấn các nhóm
- Đại diện các nhóm trình bày SĐTD trước lớp. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung (nếu cần).
- HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng theo các tiêu chí Gv nêu
- Hs quan sát, nhận xét

- Hs thảo luận theo cặp, TLCH

- Đại diện các nhóm trình bày trước lớp những nội dung đã thực hiện. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung (nếu cần).
- Hs quan sát, lắng nghe

+Nếu con người thải quá nhiều các chất thải độc hại vào môi trường thì môi trường sẽ quá tải, dẫn đến ô nhiễm môi trường, điều này sẽ gây hại đến sức khỏe của con người và các sinh vật khác.

#### 4. Hoạt động vận dụng

-Tổ chức cho Hs suy nghĩ, TLCH sau trong vòng 1 phút:

+Môi trường có chức năng gì đối với đời sống của sinh vật và con người?

+ Em và mọi người cần làm gì để góp phần bảo vệ môi trường.

-Nhận xét, tuyên dương Hs trình bày tốt.

- Nhận xét, đánh giá chung giờ học

#### HĐTN:

-Dặn Hs xem và chuẩn bị bài sau.

-1-2 Hs đọc lại mục Em có biết và kiến thức cần nhớ trong sách trang 94

-Hs suy nghĩ và TLCH

- HS trình bày trước lớp trong vòng 1 phút

-Cả lớp nghe và nhận xét.

-Hs lắng nghe

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

Buổi sáng

Thứ sáu ngày 18 tháng 4 năm 2025

Tiết 1: Tiếng việt 6

### LIÊN KẾT CÂU BẰNG CÁCH THAY THẾ TỪ NGỮ

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Biết liên kết các câu trong đoạn văn, bài văn bằng biện pháp thế.

##### 2. Năng lực, phẩm chất :

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi chia sẻ suy nghĩ, thảo luận nhóm.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:biết giải quyết nhiệm vụ học tập

được giao

- Phát triển PC chăm chỉ, trách nhiệm tích cực, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập

#### II. Đồ dùng dạy học:

\*GV: máy tính, tivi.

### III. Các hoạt động dạy học:

#### HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN

##### 1. Hoạt động khởi động

Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" đặt câu có sử dụng liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ.

- Gv nhận xét.

-Giới thiệu bài ở những tiết học trước, các em đã được học về việc sử dụng biện pháp lặp để liên kết câu. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em làm quen với một biện pháp khác – biện pháp thế.

##### 2. Hình thành kiến thức mới

**Nhận xét**

##### Hoạt động 1:

-Gv gọi HS đọc yêu cầu và ND của bài tập.

- Yêu cầu HS làm việc theo cặp hoàn thành phiếu bài tập.

-GV gợi ý HS dùng bút gạch chân dưới những từ ngữ cho em biết đoạn văn nói về ai hoặc sự vật,việc nào? Những từ ngữ nào cho biết điều đó ?

Mời đại diện lên bảng trình bày

-Mời hs nhận xét

-Nhận xét, kết luận

##### Hoạt động 2

- GV cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 2.

- Yêu cầu hs làm việc nhóm 4 mỗi hs suy nghĩ trả lời vào phiếu học tập cá nhân sau đó sẽ thảo luận điền vào phiếu học tập nhóm.

Mời đại diện trình bày.

Mời hs nhận xét.

#### HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH

- Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.

-Đọc yêu cầu.

-Thực hiện yêu cầu.

Trình bày:

-Các câu trong đoạn văn a đều nói về sự việc tìm ra Sao Thiên Vương. Các từ ngữ nói về sự việc đó là *phát hiện, phát kiến này*.

-Nhận xét.

Lắng nghe.

-Đọc yêu cầu.

-Thực hiện yêu cầu.

-Trình bày:

Các ý đúng:

-Trong đoạn văn a: a) Tránh lặp từ; c) Liên kết các câu trong đoạn văn.

-Trong đoạn văn b: a) Tránh lặp từ; c) Liên kết các câu trong đoạn văn; d) Cung cấp thêm thông tin về nhân vật (Lan Anh là một cô gái Hà Nội).

-HS nhận xét



Nhận xét

- GV đặt câu hỏi giúp HS rút ra bài học:  
+ *Từ BT ở phần Nhận xét, em hiểu người ta thay thế từ ngữ để làm gì?*

+ *Những từ ngữ nào có thể thay thế cho nhau?* - GV nhận xét và chiếu nội dung bài học. Cho vài HS nhắc lại.

\*Để liên kết câu với câu đứng trước nó, ta có thể dùng đại từ (hoặc danh từ dùng để xưng hô), từ đồng nghĩa (hoặc từ ngữ có nghĩa tương tự) thay thế cho từ ngữ đã dùng ở câu trước.

\*Cách liên kết đó được gọi là biện pháp thế.

### 3. Hoạt động luyện tập

**Cách tiến hành:**

#### **Hoạt động 3: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp thế trong các đoạn văn**

- Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 1.

- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi hoàn thành bài tập  
- Mời Hs trình bày

- Mời nhận xét.

- GV nhận xét; hướng dẫn HS sửa BT.

#### **Hoạt động 4: Tìm từ ngữ phù hợp để liên kết câu**

- Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 2.

- GV cho học sinh làm việc độc lập vào VBT.

-Nhận xét.

Trả lời:

- Người ta thay thế từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn, bài văn.

-Đó là các từ ngữ đồng nghĩa, từ ngữ dùng để xưng hô (đại từ và danh từ dùng để xưng hô).

- Học sinh đọc yêu cầu của bài tập.

- Thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của giáo viên.

- Trình bày:

+ Câu 2 liên kết với câu 1 nhờ dùng từ *cậu bé* thay cho *Xi-ôn-cốp-xki* ở câu 1.

+ Câu 3 liên kết với câu 2 nhờ dùng từ *cậu* thay cho *cậu bé* ở câu 2.

+ Câu 4 liên kết với câu 3 nhờ dùng *nhà bác học tương lai* thay cho *cậu* ở câu 3.

+ Câu 5 liên kết với câu 4: Toàn bộ câu 5 “Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?” thay cho *câu hỏi* ở câu 4.

+ Câu 6 liên kết với câu 5 nhờ dùng *điều bí mật đó* thay cho câu 5 “Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?”.

+ Câu 7 liên kết với câu 6 nhờ dùng *ông* thay cho *Xi-ôn-cốp-xki* ở câu 6.

-Đọc yêu cầu.

- gọi 2-3 hs trình bày kết quả.

-Mời nhận xét.

- Giáo viên chốt lại kết quả đúng,nhận xét, tuyên dương.

#### 4. Hoạt động vận dụng:

- GV hỏi: Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?

- Điều đó giúp em việc gì?

-Nhận xét tiết học.

-Dặn dò học sinh về nhà tìm thêm những từ dùng để liên kết để chia sẻ trước lớp vào tiết sau.

- Chuẩn bị bài học tiếp theo

-Thực hiện yêu cầu.

-Trình bày

+Các từ được thay thế lần lượt là: *cậu bé, cậu, chàng trai trẻ, nhà bác học ấy.*

-Nhận xét.

Trả lời:

+Học cách liên kết câu đứng trước, từ đồng nghĩa (hoặc từ ngữ có nghĩa tương tự) thay thế cho từ ngữ đã dùng ở câu trước.

+ Liên kết các câu từ lại với nhau.

-Lắng nghe

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

### Tiết 2: Tiếng việt 7

### VIẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG (Cách viết)

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

Nắm được cách viết chương trình hoạt động.

##### 2. Năng lực, phẩm chất

-Năng lực tự chủ và tự học:biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết cách trao đổi với bạn

- Phát triển PC chăm chỉ, trách nhiệm tích cực, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

#### II. Đồ dùng dạy học:

\*GV: máy tính, tivi.

#### III.Các hoạt động dạy học:

#### HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN

#### HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH

##### 1.Hoạt động khởi động

-GV tổ chức cho học sinh khởi động bằng một trò chơi khởi động. “Truyền điện” mỗi em kể tên hoạt động các em được tham gia ở trường, lớp hoặc địa phương.

-Tham gia trò chơi.

-GV sẽ chỉ định 1 HS bất kì đứng lên kể 1 hoạt động sau đó HS sẽ gọi tên 1 bạn khác để truyền điện và tiếp tục cho đến khi cô ra hiệu ngắt điện.

**-GV giới thiệu bài:** Trong trò chơi vừa rồi, các con đã kể được rất nhiều tên hoạt động và các con à để mỗi hoạt động đó được diễn ra một cách tốt nhất thì trước hết cần phải lập chương trình cụ thể, rõ ràng. Vậy, làm thế nào để viết được một chương trình hoạt động đạt hiệu quả nhất. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu về cách viết chương trình hoạt động.

## **2. Hình thành kiến thức mới**

### **Hoạt động 1: Nhận xét**

Cách tiến hành:

-GV mời 2 HS lần lượt đọc Chương trình hoạt động của lớp 5E và các câu hỏi.

- Yêu cầu hs suy nghĩ làm việc độc lập sau đó chia sẻ với bạn cùng bàn.

- Mời 2-3 nhóm lên chia sẻ câu trả lời trước lớp.

**-Lắng nghe.**

-Thực hiện yêu cầu

-Suy nghĩ trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ với bạn cùng bàn.

-Trình bày:

Lớp 5E dự kiến tổ chức hoạt động gì, vào thời gian nào?

- Lớp 5E dự kiến tổ chức buổi tổng kết năm học Tạm biệt mái trường, từ 8 giờ đến 11 giờ, ngày 28/5/2025.

Theo em, vì sao các bạn lớp 5E cần lập CT để tổ chức hoạt động đó?

- Các bạn lớp 5E cần lập chương trình hoạt động vì buổi tổng kết có ý nghĩa rất quan trọng và có nhiều việc phải làm, cần chuẩn bị thật chu đáo để buổi tổng kết thành công.

Bản chương trình hoạt động có những mục nào?

- Bản chương trình hoạt động có 5 mục là:

+ I. Mục đích.

+ II. Thời gian, địa điểm.

+ III. Thành phần tham gia.

+ IV. Các hoạt động cụ thể.

+ V. Phân công thực hiện.

-Nhận xét.

-Lắng nghe.

-Mời hs nhận xét.

-Nhận xét, tuyên dương hs.

### **Hoạt động 2: Rút ra bài học**

-Gv hỏi:

+ Qua bản chương trình hoạt động của lớp 5E em hiểu được mục tiêu của chương trình hoạt động đó là gì?

+ Chương trình hoạt động cần có những nội dung gì?

+ Vậy qua chương trình hoạt động của lớp 5E, bạn nào có thể cho cô (thầy) biết chương trình hoạt động là gì? Và để tổ chức một chương trình hoạt động cần xác định những gì?

-Nhận xét, kết luận.

-Mời hs đọc nội dung bài học.

### **3. Thực hành luyện tập**

#### **Hoạt động 3: Trao đổi, tìm ý cho một số chương trình hoạt động**

Cách tiến hành:

– GV mời một số HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của bài tập Luyện tập.

-Gv yêu cầu học sinh chọn một trong 2 yêu cầu trong sgk sau đó suy nghĩ tìm các ý để các thể viết một bản chương trình hoạt động.

-Sau đó chia sẻ, trao đổi nhóm 4.

-GV theo dõi, giúp đỡ HS, hướng dẫn các em cách trao đổi với bạn.

-Mời một số hs trình bày trước lớp.

-Trả lời:

+Mục tiêu của hoạt động là tổ chức lễ tổng kết, Tri ân thầy cô, và chia tay bạn,

-Trả lời:

+ *Giới thiệu mục đích của buổi tổng kết.*

+ *Phát biểu tổng kết năm học.*

+ *Khen thưởng học sinh.*

+ *Phát biểu ý kiến cảm ơn các thầy cô và các vị phụ huynh học sinh.*

+ *Biểu diễn văn nghệ*

+ *Xem lại quá trình các hoạt động mà tập thể đã tham gia và thành tích mang về được.*

-Trả lời:

+Chương trình hoạt động là dự kiến hoạt động của một cơ quan, tổ chức, đơn vị trong một sự kiện hoặc thời gian nhất định.

+ Chương trình hoạt động cần xác định mục đích, thời gian, địa điểm hoạt động; thành phần tham gia; các hoạt động cụ thể; phân công thực hiện.

-Lắng nghe.

-Đọc nội dung bài học trong SGK.

- Học sinh đọc yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, tìm ý chuẩn bị cho bài viết chương trình hoạt động của mình.

- HS làm việc nhóm, trao đổi.

- Một số học sinh trình bày trước lớp.

- Mời hs nhận xét, góp ý, trao đổi.
- Gv nhận xét, bổ xung.

- Các HS còn lại nêu ý kiến, góp ý, hỏi thêm những chi tiết chưa rõ.
- Lắng nghe.

#### 4. Hoạt động vận dụng:

- Nhận xét tiết học, tuyên dương hs.
- Dặn dò hs về nhà xem lại bài và chuẩn bị cho tiết thực hành viết tiếp theo

- Lắng nghe.

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

.....

.....

.....

### Tiết 3: Toán

#### BÀI 79: BIỂU ĐỒ HÌNH QUẠT TRÒN (TIẾT 2)

##### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Sau bài học, HS củng cố kĩ năng nhận biết được biểu đồ hình quạt tròn .
- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn. Bước đầu biết phân tích số liệu cho trên biểu đồ hình quạt tròn. Phân biệt biểu đồ hình quạt tròn đúng hoặc sai.

##### 2. Năng lực, phẩm chất:

- Thông qua nhận biết về biểu đồ hình quạt tròn, đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn và bước đầu biết phân tích số liệu cho trên biểu đồ hình quạt tròn, HS có cơ hội được phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học. Năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

- Học sinh giúp đỡ, hỗ trợ bạn bè trong học tập, đặc biệt là những bạn gặp khó khăn với các bài toán; kiên trì, nỗ lực thực hiện các bài tập, ôn luyện các phép tính để nắm vững kiến thức và kỹ năng toán học; trung thực trong việc làm bài, không gian lận, trọng kết quả học tập của bản thân và của bạn bè.

##### II. Đồ dùng dạy học.

- \* Giáo viên: Tì vi, máy tính

##### III. Các hoạt động dạy học:

##### HOẠT ĐỘNG CỦA GV

##### HOẠT ĐỘNG CỦA HS

##### 1. Hoạt động khởi động

- GV yêu cầu HS ổn định, HS điều hành lớp
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi khởi động Giải cứu đại dương

Bài 3:

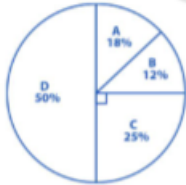
**Luật chơi:** Có 3 địa điểm cần dừng lại, mỗi địa điểm ứng với một loài vật bị mắc kẹt hoặc

- 1 HS điều khiển các bạn vận động
- 1 HS điều khiển các bạn tham gia trò chơi

*Dự kiến kết quả*

đang gặp nguy hiểm khi bị vướng vào rác thải dưới đại dương, HS lựa chọn điểm đến nêu câu hỏi, HS cả lớp sẽ lựa chọn đáp án Đ hoặc S. Nếu câu trả lời đúng là đã giải cứu được loài vật đó.

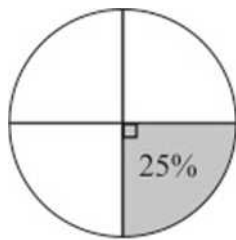
- Câu 1: Hãy cho biết biểu đồ hình quạt tròn sau Đúng hay Sai



Hình 1

- Vì sao biểu đồ hình quạt tròn này sai?

- Câu 2: Hãy cho biết biểu đồ hình quạt tròn sau Đúng hay Sai



A

- YC HS giải thích cách làm

- Câu 3: Hãy cho biết biểu đồ hình quạt tròn sau Đúng hay Sai



Hình 2

GV giải thích

-GV Nhận xét

Qua trò chơi vừa rồi em biết được những điều gì từ biểu đồ hình quạt tròn?

- Câu 1: Đáp án S

- HS: Biểu đồ hình quạt tròn này sai vì tổng tỉ số phần trăm các thành phần A và B là 30 % không thể là một phần tư hình tròn

- HS trả lời: Câu 2: Đáp án Đ

- Vì một phần tư hình tròn sẽ ứng với 25% trong biểu đồ hình quạt tròn. Hình B được tô màu vào một nửa hình tròn chính là 50% hình tròn.

- HS trả lời: Câu 2: Đáp án S

- Biểu đồ hình quạt tròn này sai vì tổng tỉ số phần trăm các thành phần không bằng 100%

- HS trả lời:

+ Tổng tỉ số phần trăm của biểu đồ luôn bằng 100%

+ Ta có thể dự đoán tỉ số phần trăm qua số phần trong hình tròn



## 2. Hoạt động thực hành luyện tập

### Bài 4:

- GV gọi HS nêu YC bài tập 1
- Tên của biểu đồ là gì?
- GV giao nhiệm vụ HS làm VBT

- 1 HS nêu trước lớp.
- khoản chi tiêu tiền lương hàng tháng của một người
- HS làm bài VBT và trao đổi n2 sau đó trình bày kết quả trước lớp:
  - + Quan sát biểu đồ hình quạt tròn, phần trăm dành cho việc ăn uống chiếm một phần tư hình tròn. Vậy số tiền dành cho việc ăn uống chiếm 25%.
  - + Số tiền dành cho việc mua sắm chiếm số phần trăm là:  
 $100\% - (15\% + 18\% + 30\% + 25\%) = 12\%$
  - + Nếu lương của người đó là 6 triệu đồng thì:
    - \* Số tiền dành cho mua sắm là:  $6\,000\,000 \times 12\% = 720\,000$  (đồng).
    - \* Số tiền để tiết kiệm là:  $6\,000\,000 \times 18\% = 1\,080\,000$  (đồng).
    - \* HS lớp nhận xét giải thích cách làm trao đổi cách làm khác
- HS nêu ý kiến

- GV tổng kết bài tập 4.
- Quan sát biểu đồ hình quạt tròn này em thấy điều gì?
- Nếu là em, em sẽ có giải pháp gì cân đối các khoản chi tiêu trong tháng không?

## 4. Hoạt động vận dụng

### Bài 5:

- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập 5
- Hãy nêu tên gọi của biểu đồ hình quạt tròn?

- GV YC HS làm việc cá nhân trong phiếu học tập. Sau khi kết thúc thời gian làm việc cá nhân HS sẽ thảo luận nhóm theo kỹ thuật lều băng truyền

Nội dung thảo luận ngoài các yêu cầu trong bài tập. HS thảo luận thêm nội dung sau: Quan sát các số liệu trên biểu đồ em thấy mặt hàng nào bán chạy nhất, bán ít nhất? Nếu em là chủ cửa hàng em sẽ có giải pháp gì để tăng doanh số của cửa hàng?

- GV gọi HS trình bày kết quả và trao đổi nhóm hs với HS dưới lớp

- 1 HS nêu
- Kết quả bán từng loại sản phẩm so với tổng số sản phẩm đã bán của một cửa hàng trong tháng.
- HS thực hiện theo YC

HS chia sẻ

+ Váy: 25%. + Áo khoác: 25%

- Cô quan sát thấy ở đây tháng trước mặt hàng áo khoác bán khá chạy 25% nếu tháng sau trời ấm hơn em sẽ làm gì với mặt hàng này?

- GV nhận xét.

#### 4. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay giúp em hiểu gì về biểu đồ hình quạt tròn?

+ Mũ 12%

+ Mặt hàng nào bán chạy nhất? (Áo sơ mi 38%)

+ Bạn sẽ làm thế nào với mặt hàng này?

+ Mặt hàng nào bán được ít nhất?

+ Bạn có giải pháp gì để tăng lượng mua hàng?

HS trả lời

HS trả lời

### Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

#### Tiết 4: Hoạt động trải nghiệm 3

### KẾT QUẢ THAM GIA THỬ THÁCH NUÔI DƯỠNG, GIỮ GÌN TÌNH BẠN

#### I. Yêu cầu cần đạt:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Chia sẻ được kết quả tham gia thử thách thực hiện những việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.

- Thể hiện tình cảm yêu quý bạn bè.

##### 2. Năng lực, phẩm chất

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

- Tự lực, trách nhiệm: chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lý, có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

#### II. Đồ dùng dạy học:

\* **Giáo viên:** Giấy A3, bút, bút màu. Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**III. Các hoạt động dạy học:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | HOẠT ĐỘNG CỦA HS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 30 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 31.</li> <li>- GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.</li> </ul> <p><b>Hoạt động 2: Kết quả tham gia thử thách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4 – 6 HS):<br/><i>Chia sẻ về kết quả tham gia thử thách thực hiện những việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn theo gợi ý:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Những việc em đã làm được.</i></li> <li>+ <i>Cảm xúc, thái độ của bạn.</i></li> <li>+ <i>Cảm xúc của em khi thực hiện những việc đó.</i></li> </ul> </li> <li>- GV mời đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét.</li> <li>- GV khen ngợi HS đã có kết quả tham gia thử thách tốt, thực hiện được nhiều việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.</li> <li>- GV mời HS chia sẻ dự kiến thực hiện những việc làm để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn trong thời gian tới.</li> <li>- GV tổ chức cho HS tham gia múa, hát, đọc thơ,... về chủ đề Tình bạn.</li> </ul> <p><b>* Củng cố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.</li> </ul> <p><b>* DẶN DÒ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhắc nhở HS: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chia sẻ bài hát, thơ về chủ đề Tình bạn cho người thân, bạn bè.</li> <li>+ Chuẩn bị trước <b>Chủ đề 8 – Tuần 31.</b></li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chú ý lắng nghe</li> <li>- HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.</li> <li>- HS làm việc nhóm.</li> <li>- HS trình bày.</li> <li>- HS lắng nghe, tiếp thu.</li> <li>- HS chia sẻ.</li> <li>- HS ca múa.</li> <li>- HS lắng nghe, tiếp thu.</li> <li>- HS lắng nghe, tiếp thu.</li> <li>- HS lắng nghe, thực hiện.</li> </ul> |

## Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

Chiều:

Tiết 5 : Tiếng việt tăng

### LUYỆN TẬP LIÊN KẾT CÂU BẰNG CÁCH LẬP TỪ NGỮ

#### I. Yêu cầu cần đạt

- Hiểu và nhận biết biện pháp lập trong đoạn văn, văn bản. Biết sử dụng cách lập từ ngữ để liên kết câu.

- Giáo dục HS yêu thích môn học, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

#### II. Đồ dùng dạy học

- Bảng phụ BT1

#### III. Các hoạt động dạy học

##### 1. Khởi động

- Thế nào là liên kết câu bằng cách lập từ ngữ? Nêu VD?

- GV lưu ý:

+ Việc liên kết các câu trong bài bằng cách lập từ ngữ ngoài khả năng kết nối các câu của bài văn, đoạn văn lại với nhau, còn có thể đem lại những ý nghĩa tu từ như nhấn mạnh gây cảm xúc, gây ấn tượng.

+ Tuy nhiên, khi sử dụng cách liên kết câu trong bài bằng cách lập từ ngữ, nếu sử dụng không khéo léo, sử dụng liên tục, không đúng lúc, đúng chỗ sẽ dẫn đến câu văn bị lặp từ, gây nhàm chán.

Ví dụ: Ông em năm nay 70 tuổi. Ông em có mái tóc bạc. Ông em rất thương yêu chúng em.

Hoạt động cả lớp

- Để liên kết một câu với câu đứng trước nó, ta có thể lặp lại một hoặc một vài từ ngữ ở câu trước. Cách liên kết đó được gọi là biện pháp lập.

- VD: Đền Thượng nằm chót vót trên núi Nghĩa Lĩnh. Trước đền, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang múa quạt, xòe hoa.

- HS lắng nghe

## 2. Thực hành

**Bài 1. (BP)** Gạch dưới những từ ngữ được lặp lại để liên kết câu trong các đoạn văn sau:

a) Người đặt hộp thư lần nào cũng tạo cho anh sự bất ngờ. Bao giờ hộp thư cũng được để tại một nơi dễ tìm mà lại ít bị chú ý nhất.

b) Thảo quả trên rừng Đản Khao đã vào mùa. Gió tây lướt thướt bay qua rừng quỳn hương thảo quả đi rải theo triền núi, đưa hương thảo quả ngọt lựng, thơm nồng vào những thông xóm Chín San.

c) Con dê rực lên một màu vàng của đàn bò đứng đỉnh bước. Ngõ đây là một con dê vàng uổng lượn.

- GV gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.
- GV HD và theo dõi HS làm bài tập.
- GV cùng HS nhận xét và chốt đáp án đúng.

- 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.
- 3 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở.

Đáp án:

- a) Hộp thư
- b) Thảo quả
- c) Con dê

*\* Việc lặp các từ ngữ ấy có tác dụng gì?*

- Việc lặp từ ngữ có tác dụng liên kết các câu trong đoạn văn.

**Bài 2.** Chọn từ ở câu trước cần lặp lại ở câu sau để điền vào chỗ trống nhằm tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn dưới đây:

Mùa hè, mặt trời rắc những sợi nắng vàng rực rỡ xuống không gian. Tia  
 (1)..... nhỏ cùng các bạn vô cùng thích thú chạy nhảy khắp nơi.  
 (2).....tràn vào vườn hoa. Muôn  
 (3).....bừng nở. Nắng nhuộm cho những cánh  
 (4).....thành muôn màu rực rỡ. Những bông hoa rung rinh như vẫy chào  
 nắng.

- GV gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.
- GV HD và theo dõi HS làm bài tập.
- GV chữa bài
- GV nhận xét

- 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.
- HS làm vào vở.
- HS chia sẻ bài làm

Đáp án:

- (1) nắng
- (2) Nắng

(3) hoa

(4) hoa

**Bài 3.** Trong đoạn văn dưới đây, những câu văn nào được liên kết với nhau bằng biện pháp lặp?

Tháng trước, trường của Út Vịnh đã phát động phong trào Em yêu đường sắt quê em. Học sinh cam kết không chơi trên tàu, không ném đá lên tàu và đường tàu, cùng nhau bảo vệ cho những chuyến tàu qua. Vịnh nhận việc khó nhất là thuyết phục Sơn – một bạn rất nghịch thường chạy trên đường tàu thả diều. Thuyết phục mãi Sơn mới hiểu ra và hứa không chơi đại như vậy nữa.

- GV gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.
- GV HD và theo dõi HS làm bài tập.
- GV chữa bài
- GV nhận xét

- 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.
- HS làm vào vở.
- HS chia sẻ bài làm

Đáp án: Câu 2 liên kết với câu 3 bằng phép lặp.

### 3. Vận dụng

- Về nhà viết một đoạn văn nói về đề tài bảo vệ hòa bình, trong đoạn văn có sử dụng biện pháp lặp để liên kết câu.
- Nhắc HS về nhà ôn tập kiến thức đã ôn tập cho tốt.

### Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )

.....

.....

.....

Tiết 6: KNS

Gv chuyên dạy

.....

Tiết 7: Toán tăng

### LUYỆN TẬP GIẢI CÁC BÀI TOÁN VỀ VẬN TỐC, QUÃNG ĐƯỜNG, THỜI GIAN

#### I. Yêu cầu cần đạt

- Củng cố cách tính vận tốc, quãng đường, thời gian của chuyển động đều; vận dụng giải các bài toán có ND thực tế. Rèn cho HS kỹ năng tính toán, kỹ năng trình bày.
- GD HS tính cẩn thận, chính xác.

#### II. Đồ dùng dạy học

- BP chép bài tập 1

#### III. Các hoạt động dạy học



## 1. Khởi động

- + Muốn tính vận tốc của một chuyển động đều ta làm thế nào?
  - + Muốn tính quãng đường của một chuyển động đều ta làm thế nào?
  - + Nêu cách tính thời gian của một chuyển động đều.
  - + Nêu cách tính thời gian gặp nhau của 2 chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian.
  - GV nhận xét, củng cố cách tính vận tốc, quãng đường, thời gian chuyển động đều.
- $$s = v \times t \quad v = s : t \quad t = s : v$$
- $$t = s : (v_1 + v_2) \quad t = s : (v_2 - v_1)$$

## 2. Thực hành

**Bài 1 (BP).** Quãng đường AB dài 220 km

a) Một ô tô đi quãng đường đó hết 4 giờ 24 phút. Tính vận tốc của ô tô.

b) Một xe máy với vận tốc bằng  $\frac{4}{5}$  vận tốc

của ô tô thì đi hết quãng đường mất bao nhiêu thời gian ?

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Gọi 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở.
- GV nhận xét, chốt lời giải đúng
- > *Củng cố cách tính vận tốc, thời gian của một chuyển động đều.*

**Bài 2.** Quãng đường AB dài 210 km. Ô tô thứ nhất đi từ A về B với vận tốc 60 km/giờ. Ô tô thứ hai đi từ B về A với vận tốc 45 km/giờ. Nếu khởi hành cùng một lúc thì sau mấy giờ 2 ô tô đó sẽ gặp nhau?

- Gọi HS đọc và phân tích bài toán.
- Hai xe ô tô chuyển động như thế nào?
- Nêu bước giải bài toán?

Làm việc cả lớp

- + Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian.
- + Muốn tính quãng đường ta lấy vận tốc nhân với thời gian
- + Muốn tính thời gian ta lấy quãng đường chia cho vận tốc.
- + Muốn tính thời gian gặp nhau của 2 chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian, ta lấy quãng đường chia cho tổng vận tốc.

- 1 HS đọc yêu cầu
- HS làm bài cá nhân
- 2 HS nối tiếp lên bảng
- Cả lớp nhận xét

Đáp án:

a. Đổi: 4 giờ 24 phút = 4,4 giờ  
 $v = 220 : 4,4 = 50$  (km/giờ)

b.  $v$  xe máy =  $50 \times \frac{4}{5} = 40$  (km/giờ)  
 $t = 220 : 40 = 5,5$  (giờ)

- HS đọc đề, phân tích đề
- Chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian.
- Tính tổng vận tốc của hai xe ô tô:  
 $60 + 45 = 105$  (km/giờ)  
 Tính thời gian gặp nhau của 2 xe:  
 $210 : 105 = 2$  (giờ)

- Gọi 1 HS lên bảng chữa bài
- GV nhận xét, chốt bài làm đúng
- > *Củng cố cách tính thời gian gặp nhau của 2 chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian*

**Bài 3.** Lúc 8 giờ, một người đi xe đạp từ nhà lên huyện với vận tốc 12 km/giờ. Đọc đường người đó nghỉ 15 phút. Biết người đó đến huyện lúc 9 giờ 30 phút. Tính quãng đường người đó đi từ nhà lên huyện.

- GV gọi HS đọc yêu cầu, phân tích đề
- YC HS nêu cách làm
- GV yêu cầu HS làm bài.
- Gọi 1 HS lên bảng chữa bài
- GV nhận xét, chốt lời giải đúng

-> *Củng cố cách tính quãng đường của một chuyển động đều.*

**Bài 4.** Bác Hà đi xe máy từ quê ra phố với vận tốc 40 km/giờ và đến thành phố sau 3 giờ. Hỏi nếu bác đi bằng ô tô với vận tốc 50 km/giờ thì sau bao lâu ra tới thành phố?

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu
- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?
- Yêu cầu HS làm và chữa bài, nêu cách làm.
- GV nhận xét, chốt lời giải đúng

*\*Nhắc lại cách tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian:  $s = v \times t$*

### 3. Vận dụng

+ *Muốn tính thời gian gặp nhau của 2 chuyển động ngược chiều trong cùng một thời gian, ta làm thế nào?*

- Nhận xét tiết học, dặn HS ôn lại bài.

**Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

.....  
 .....  
 .....

- HS làm bài cá nhân
- 1 HS lên bảng
- Cả lớp nhận xét

- HS đọc đề, phân tích đề
- 1 HS nêu cách giải
- HS làm bài cá nhân, chữa bài

**Bài giải**

Thời gian người đó đi từ nhà lên huyện không tính thời gian nghỉ là:

$$9 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 8 \text{ giờ} - 15 \text{ phút} = 1 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$$

$$\text{Đổi } 1 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 1,25 \text{ giờ}$$

Quãng đường người đó đi từ nhà lên huyện là:

$$12 \times 1,25 = 15 \text{ (km)}$$

**Đáp số:** 15 km

- HS đọc đề và phân tích yêu cầu.
- HS tóm tắt bài.
- HS làm bài tập.

**Lời giải**

Quãng đường từ quê ra thành phố dài là:

$$40 \times 3 = 120 \text{ (km)}$$

Thời gian bác đi bằng ô tô hết là:

$$120 : 50 = 2,4 \text{ (giờ)}$$

$$2,4 \text{ giờ} = 2 \text{ giờ } 24 \text{ phút}$$

**Đáp số:** 2 giờ 24 phút

-----

.....

.....

.....

**Tổ/khối chuyên môn duyệt**

**Người soạn bài**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Phạm Thị Huệ**

**Lãnh đạo duyệt**  
*(Nhận xét và ký duyệt)*  
**Phó Hiệu Trưởng**

**Nguyễn Thị Kim Huế**

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

Được tải về từ hệ thống edumias.edu.vn lúc 20/04/2024

bởi Phạm Thị Huệ (hdg\_th\_hung@phamthue) – Tiểu học Hưng B

**TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH**  
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 20:08 20/04/2025  
bởi Phạm Thị Huệ (hdg\_th\_hungdao\_phamhue) – Tiểu học Hưng Đạo

**TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH**  
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 20:08 20/04/2025  
bởi Phạm Thị Huệ (hdg\_th\_hungdao\_phamhue) – Tiểu học Hưng Đạo